

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**ĐỀ TÀI**  
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**KHAI THÁC DI TÍCH THỜ HÙNG ĐẠO**  
**ĐẠI VƯƠNG Ở LƯU VỰC SÔNG BẠCH ĐẰNG**  
**PHỤC VỤ CHO DU LỊCH**

**Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thế Vũ**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHAI THÁC DI TÍCH THỜ HÙNG ĐẠO**  
**ĐẠI VƯƠNG Ở LƯU VỰC SÔNG BẠCH ĐẰNG**  
**PHỤC VỤ CHO DU LỊCH**

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

**Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Thế Vũ**

HẢI PHÒNG -2013

## MỤC LỤC

Mở đầu.....	1
1 Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Lí do chọn đề tài .....	2
3.Mục tiêu và nhiệm vụ .....	3
4. Phương pháp nghiên cứu .....	3
5. Khả năng triển khai ứng dụng triển khai kết quả của đề tài .....	4
6. Dự kiến kết quả của đề tài .....	4
7. Tài liệu tham khảo và tình hình nghiên cứu .....	4
Chương 1. Khái quát về di tích lịch sử và các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Việt Nam .....	6
1.1. Khái quát về di tích lịch sử.....	6
1.1.1. Định nghĩa về di tích lịch sử.....	6
1.1.2. Đặc điểm của các di tích lịch sử.....	6
1.1.3. Ý nghĩa.....	6
1.2. Vài nét về Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.....	7
1.2.1. Thân thế.....	7
1.2.2. Sự nghiệp .....	9
1.2.3. Vị trí và vai trò của Hưng Đạo Đại Vương trong lịch sử dân tộc và đời sống tâm linh người Việt. ....	12
1.3. Các di tích thờ Trần Hưng Đạo trên cả nước .....	14
1.3.1. Mục đích , ý nghĩa của việc thờ tự.....	14
1.3.2. Những địa phương có di tích thờ Trần Hưng Đạo. ....	14
1.3.3. Các lễ hội gắn với Trần Hưng Đạo. ....	15
Chương 2. Thực trạng các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng:.....	17
2.1. Tìm hiểu về sông Bạch Đằng: .....	17
2.1.1. Vị trí địa lí - cảnh quan .....	17
2.1.2. Những chiến thắng lịch sử trên sông Bạch Đằng.....	18
2.1.3. Chiến thắng của Trần Hưng Đạo trên sông Bạch Đằng.....	26
2.2. Tổng quan về một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng.....	31
A. Các di tích Quảng Yên – Yên Hưng- Quảng Ninh.....	31
2.2.1 Đền Trần Hưng Đạo.....	31
2.2.2.Đền Trung Cốc. ....	34
2.2.3. Đình Trung Bản.....	35
2.2.4. Đình Yên Giang .....	39

2.2.5. Các di tích liên quan.....	41
2.2.5.1. Bến Đò Rừng. ....	41
2.2.5.2. Hai Cây Lim Giếng Rừng. ....	41
2.2.5.3. Bãi cọc Bạch Đằng. ....	42
B. Các di tích tại Thủy Nguyên –Hải Phòng.....	43
2.2.6. Tràng kình- Đền Trần Hưng Đạo. ....	43
2.2.7. Cụm di tích Liên Khê.....	45
2.2.7.1. Đền thụ khê.....	46
2.2.7.2 Chùa Mai Động.....	47
2.2.7.3 Chùa Thiêm Khê.....	48
2.3 Thực trạng các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng.....	48
2.3.1 Thực trạng di tích.....	48
2.3.2. Thực trạng hoạt động du lịch ở các di tích. ....	49
Tiểu kết chương 2.....	52
Chương 3. Các giải pháp phát triển phục vụ du lịch.....	54
3.1. Giải pháp nâng cao khả năng khai thác các di tích cá di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng phục vụ cho phát triển du lịch. ....	54
3.1.1. Giải pháp trùng tu tôn tạo. ....	54
3.1.2Giải pháp nâng cao giá trị tâm linh. ....	55
3.1.3 Giải pháp về tuyên truyền quang bá cho du lịch. ....	56
3.1.4 Giải pháp liên kết phát triển du lịch giữa hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng.....	56
3.1.5. Giải pháp về đào tạo những người phục vụ du lịch tại chỗ. ....	57
3.1.6. Đa dạng hóa nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.....	59
Tiểu kết chương 3.....	60
Phụ Lục:.....	1

## Mở đầu

### 1 tính cấp thiết của đề tài

Du lịch trong những năm gần đây có những bước phát triển mạnh mẽ, là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Không chỉ là nguồn thu ngoại tệ quan trọng, du lịch còn tạo việc làm cho hàng chục vạn lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp trong xã hội. Ngoài ra du lịch phát triển còn thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác cùng phát triển tạo nên một diện mạo mới cho nền kinh tế Việt Nam.

Việt Nam có điều kiện địa lý tự nhiên và tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú, hấp dẫn về vẻ đẹp sinh thái tự nhiên, nền văn hoá đa dạng và truyền thống lịch sử lâu đời, phong phú về di sản văn hoá, các làng nghề và các lễ hội truyền thống gắn với các nhóm dân tộc của cả nước.

Trong những năm qua, du lịch Việt Nam tăng trưởng tương đối ổn định với tốc độ trung bình ở mức tương đối cao (khoảng 20%), thu nhập từ ngành du lịch tăng lên nhiều lần. Đây là một thành công lớn góp phần giúp du lịch trở thành một trong những ngành quan trọng trong nền kinh tế.

Điều đó nguồn tài nguyên du lịch của Việt Nam có rất nhiều lợi thế phát triển du lịch. Sông Bạch Đằng nằm giữa Hải Phòng và Quảng Ninh là có nhiều tài nguyên phát triển du lịch.

Sông Bạch Đằng là dòng sông mang đậm những dấu ấn lịch sử, gắn với những chiến thắng oanh liệt của dân tộc như chiến thắng giặc Nam Hán của Ngô Quyền, chiến thắng giặc Tống của Lê Hoàn, chiến thắng giặc Nguyên Mông của Trần Hưng Đạo. Có thể nói chiến thắng giặc Nguyên Mông của Trần Hưng Đạo là chiến thắng nổi bật và làm rạng danh cho dân tộc Việt khi chiến thắng một trong những đội quân hùng mạnh nhất thế giới khi ấy. Chiến thắng ấy cũng làm nên tên tuổi của vị tướng tài, Trần Hưng Đạo- 10 vị tướng xuất sắc của thế giới.

Hiện nay lưu vực sông Bạch Đằng còn lưu giữ rất nhiều những di tích thờ Trần Hưng Đạo. Cùng với những di tích lịch sử nổi tiếng trong cả nước, các di tích thờ Trần Hưng Đạo là một tài nguyên du lịch độc đáo, đầy tiềm năng đóng góp vào sự phát triển chung của ngành du lịch, phục vụ cho Năm du lịch quốc gia- Đồng bằng sông Hồng năm 2013.

Nhưng trên thực tế trong những năm qua, việc khai thác những tài nguyên này phục vụ cho du lịch chưa được chú trọng và quan tâm đầu tư đúng mức, hoặc có một số công trình đã được đưa vào khai thác trong du lịch, nhưng không phải dưới tư cách một sản phẩm du lịch. Đồng thời hoạt động du lịch tại các điểm đến này còn diễn ra một cách tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể đồng bộ, cũng như chưa có sự quản lý một cách chặt chẽ các nguồn tài nguyên từ phía cấp chính quyền địa phương, gây ra những lãng phí lớn về nguồn tài nguyên. Hơn thế nữa, những lợi ích về kinh tế do du lịch mang lại chưa tương xứng với tiềm năng, cụ thể đó là sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế của địa phương còn rất hạn chế.

## **2. Lí do chọn đề tài**

Theo dòng chảy của lịch sử Việt Nam, các vương triều phong kiến đã tồn tại rất lâu đời, qua hàng ngàn năm. Mỗi triều đại qua đi đều để lại những dấu ấn thật đặc biệt qua từng thời kỳ họ trị vì đất nước. Dù hưng thịnh hay suy vong, đó đều là những yếu tố sự thật, không thể chối cãi qua nhiều giai đoạn thăng trầm trong mỗi thời đại. Việt Nam tuy chỉ là một đất nước nhỏ bé nhưng ngay từ khi ra đời đã luôn bị đế quốc phương Bắc dòm ngó, cùng với nhiều nỗi lo khác nhau. Thật là đặc biệt ở chỗ, mỗi một triều đại phong kiến của chúng ta, dường như nhà nào cũng gặp phải nạn ngoại xâm. Cũng từ đó, ý chí anh hùng quật cường của nhân dân ta được bộc lộ, đó là lòng yêu nước vô bờ bến của cả quân và dân. Lịch sử đã chỉ rõ, bằng lòng quyết tâm đánh và chiến thắng kẻ thù, được sự tin yêu, ủng hộ trong lòng dân chúng thì triều đại nào cũng đuổi được bè lũ cướp nước. Và điều này lại càng được thể hiện một cách xuất sắc ở thời đại nhà Trần. Bằng chứng xác thực nhất là sự đóng góp lớn lao của các đời vua và những danh tướng trong công cuộc gìn giữ sự thanh bình của quốc gia mà họ luôn sống với tinh thần “sinh vi tướng, tử vi thần” luôn được thế hệ sau tôn thờ. Trong phả hệ Trần triều, Trần Quốc Tuấn được nhắc đến như một vị tướng oai hùng nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến. Cuộc đời và sự nghiệp của ông là những câu chuyện thú vị mang đậm chất giáo lí về tư cách đạo đức, làm người quân tử với đất nước, với dân tộc. Đó là tấm gương cho các triều đại về sau này, học hỏi về ông lòng trung quân ái quốc, con người tài năng bậc nhất trên mọi lĩnh vực: quân sự, y học, văn học. Ngày nay khi nhắc đến ông, người ta không chỉ nhớ đến một vị tướng tài trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của vương triều Trần mà còn nhận định ngay đến một vị thánh linh thiêng: đức thánh Trần - Hưng Đạo Đại Vương. Ông được coi là Thánh, là Cha trong lòng dân chúng và

được thờ ở mọi miền trên khắp Tổ quốc. Các di tích trân trọng thờ ông, dù là điện thờ chính hay chỉ là thờ phối tự nhưng không thể phủ nhận sự hiện diện của ông trong đền, chùa, miếu mạo vô cùng quan trọng với nhân dân mỗi vùng. Các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng vẫn còn lưu giữ được nhiều giá trị lịch sử văn hoá giúp cho thế hệ hôm nay có thể tìm hiểu kĩ hơn về thân thế và sự nghiệp của Ngài. Mỗi di tích ở lưu vực sông Bạch Đằng thờ đức thánh Trần, tuy đều có điểm chung là thờ vị anh hùng của dân tộc nhưng tại mỗi nơi lại cho người ta nhiều cảm giác khác nhau, đều để lại những ấn tượng sâu sắc. Cũng như các di tích khác, hệ thống di tích lịch sử văn hoá thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng đã trở thành gạch nối giữa quá khứ và hiện tại có ý nghĩa to lớn trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư. Đó là những di tích thực sự có giá trị về lịch sử văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật Thế nhưng, tính cho đến thời điểm này, một số các di tích trong đó không nhận được sự quan tâm cần thiết đối với giá trị của mình. Hơn nữa, những di tích đó đã từng được đánh giá rất có hữu ích trong việc phát triển du lịch văn hoá của thành phố này tồn tại một vấn đề lớn là chưa được khai thác thực sự hiệu quả cho hoạt động du lịch.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ**

#### **Mục tiêu:**

Nhằm khai thác các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng phục vụ cho du lịch. Quảng bá hình ảnh các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng- là nơi chiến thắng của Trần Hưng Đạo đánh tan quân Mông –Nguyên trên sông Bạch Đằng.

#### **Nhiệm vụ:**

Đưa ra một số giải pháp khai thác có hiệu quả các di tích thờ anh hùng dân tộc Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn ở lưu vực sông Bạch Đằng phục vụ phát triển du lịch.

Qua đó đặt ra các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể trong kho tàng văn hóa Việt về tín ngưỡng thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn và các di tích thờ tự.

### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu (tiếp cận và phân tích hệ thống)

Phương pháp thực địa

Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp(phương pháp toán học)

Phương pháp xã hội học.

## **5. Khả năng triển khai ứng dụng triển khai kết quả của đề tài**

Tài liệu nghiên cứu về các di tích lịch sử

Tài liệu nghiên cứu văn hóa của sinh viên

Tài liệu hướng dẫn du lịch .

## **6. Dự kiến kết quả của đề tài**

1. Đóng góp về mặt khoa học, phục vụ công tác đào tạo:

Tài liệu nghiên cứu về các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương ở lưu vực sông Bạch Đằng, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam, tài liệu giới thiệu và hướng dẫn du lịch.

2. Những đóng góp liên quan đến phát triển du lịch:

- Định hướng khai thác phát triển tại các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương ở lưu vực sông Bạch Đằng phục vụ du lịch.

- Một số gợi ý trong cách quản lý và khai thác hợp lý các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương ở lưu vực sông Bạch Đằng với tư cách là sản phẩm du lịch.

3. Những đóng góp về mặt xã hội (các giải pháp cho vấn đề xã hội):

- Nâng cao ý thức người dân trong việc bảo tồn và giữ gìn các nét đẹp văn hóa, các di sản vật thể tại các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương ở lưu vực sông Bạch Đằng.

## **7. Tài liệu tham khảo và tình hình nghiên cứu**

Hiện cũng đã có nhiều tài liệu trong và ngoài nước nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Hưng Đạo Đại Vương nhưng đây là lần đầu tiên được nghiên cứu ở lưu vực sông Bạch Đằng với mục đích phục vụ cho du lịch. Những tài liệu tham khảo:

1. Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử kí toàn thư, Nhà xuất bản khoa học xã hội 1985: có viết về những trận đánh trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo, diễn tả các chi tiết về trận đánh trên sông Bạch Đằng.
2. Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, Nhà xuất bản Tân Việt 1968: có viết về Trần Hưng Đạo và các trận đánh trên sông Bạch Đằng.
3. Nguyễn Khắc Thuần, Danh tướng Việt Nam, Nhà xuất bản giáo dục năm 2006, viết về thân thế , sự nghiệp của Trần Hưng Đạo và chiến thắng giặc Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng.
4. Kể chuyện lịch sử Việt Nam –Hưng Đạo Vương, tác giả Phan Kế Bính, Lưu Văn Phúc.





# **Chương 1. Khái quát về di tích lịch sử và các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở Việt Nam**

## **1.1. Khái quát về di tích lịch sử**

### **1.1.1. Định nghĩa về di tích lịch sử.**

Di tích lịch sử-văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan, trong đó có chứa đựng các điển hình lịch sử, do tập thể hoặc cá nhân con người trong lịch sử sáng tạo ra.

Như vậy, ở một mức độ hẹp hơn có thể thấy rằng di tích lịch sử-văn hóa là những dấu tích, dấu vết hoạt động của con người trong quá trình lịch sử còn sót lại.

### **1.1.2. Đặc điểm của các di tích lịch sử**

- Di tích lịch sử là những công trình kiến trúc do người xưa xây dựng nên, gắn liền với 1 nhân vật lịch sử, sự kiện lớn có đặc điểm như sau:
- Là nơi thờ tự 1 nhân vật lịch sử, anh hùng có công với dân tộc, được nhân dân thờ tự và nhà nước công nhận như các di tích thờ Hai Bà Trưng, Lý Thái Tổ.....
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước. Các di tích tiêu biểu thuộc loại này như: đền Hùng, chùa Một Cột, Cổ Loa, cố đô Hoa Lư....
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thế và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của đất nước. Các di tích tiêu biểu thuộc loại này như: khu di tích Kim Liên, đền Kiếp Bạc.....
- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến. Các di tích tiêu biểu thuộc loại này như: khu di tích Điện Biên Phủ, địa đạo Củ Chi....

### **1.1.3 ý nghĩa.**

Các di tích lịch sử có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc giáo dục mọi người dân nhất là thế hệ trẻ về truyền thống dân tộc. Các di tích lịch sử như là những minh chứng cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc của dân tộc, làm tăng thêm về ý nghĩa quan trọng uống nước nhớ nguồn. Đồng thời qua đó làm tô đẹp cho đất nước với những công trình vĩ đại, nhưng chiến thắng hào hùng, rạng ngời non sông.

## 1.2. Vài nét về Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn

### 1.2.1. Thân thế

Sinh năm 1228, Trần Quốc Tuấn ra đời khi họ Trần vừa thay thế nhà Lý làm vua trong một đất nước đói kém, loạn ly. Trần Thủ Độ, một tôn thất tài giỏi đã xếp đặt bày mưu giữ cho thế nước chông chênh thành bền vững. Bấy giờ Trần Cảnh còn nhỏ mới 11 tuổi, vợ là Lý Chiêu Hoàng, vị vua cuối cùng của dòng họ Lý. Vì nhường ngôi cho chồng nên trăm họ và tôn thất nhà Lý dị nghị nhà Trần cướp ngôi. Trần Thủ Độ rất lo lắng. Bấy giờ Trần Liễu, anh ruột vua Trần Cảnh lấy công chúa Thuận Thiên, chị gái Chiêu Hoàng đang có mang. Trần Thủ Độ ép Liễu nhường vợ cho Cảnh để chắc có một đứa con cho Cảnh. Liễu nổi loạn. Thủ Độ dẹp tan nhưng tha chết cho Liễu. Song điều này không dẹp nổi lòng thù hận của Liễu. Vì thế Liễu kén thầy giỏi dạy cho con trai mình thành bậc văn võ toàn tài, ký thác vào con mới thù sâu nặng. Người con trai ấy chính là Trần Quốc Tuấn.

Thuở nhỏ, có người đã phải khen Quốc Tuấn là bậc kỳ tài. Khi lớn lên, Trần Quốc Tuấn càng tỏ ra thông minh xuất chúng, thông kim bác cổ, văn võ song toàn. Trần Liễu thấy con như vậy mừng lắm, những mong Quốc Tuấn có thể rửa nhục cho mình. Song, cuộc đời Trần Quốc Tuấn trải qua một lần gia biến, ba lần quốc nạn và ông đã tỏ ra là một bậc hiền tài. Thù nhà ông không đặt lên trên quyền lợi dân nước, xã tắc. Ông đã biết dẹp thù riêng, vun trồng cho mối đoàn kết giữa tông tộc họ Trần khiến cho nó trở thành cột rễ của đại thắng. Bấy giờ quân Nguyên sang xâm chiếm Việt Nam. Trần Quốc Tuấn đã giao hảo hòa hiếu với Trần Quang Khải. Hai người là hai đầu mối của hai chi trong họ Trần, đồng thời một người là con Trần Liễu, một người là con Trần Cảnh, hai anh em đôi đầu của thế hệ trước. Sự hòa hợp của hai người chính là sự thống nhất ý chí của toàn bộ vương triều Trần, đảm bảo đánh thắng quân Nguyên hung hãn. Chuyện kể rằng: thời ấy tại bến Đông, ông chủ động mời Thái sư Trần Quang Khải sang thuyền mình trò chuyện, chơi cờ và sai nấu nước thơm tự mình tắm rửa cho Quang Khải... Rồi một lần khác, ông đem việc xích mích trong dòng họ dò ý các con, Trần Quốc Tảng có ý khích ông cướp ngôi vua của chi thứ, ông nổi giận định rút gươm toan chém chết Quốc Tảng. Do các con và những người tâm phúc xúm vào van xin, ông bớt giận dừng gươm nhưng bảo rằng: Từ nay cho đến khi ta nhắm mắt, ta sẽ không nhìn mặt thẳng nghịch tử, phản thầy này nữa”. Trong chiến tranh, ông luôn hộ giá bên vua, tay chỉ cầm cây gậy bịt sắt. Thế mà vẫn có lời dị nghị, sợ ông sát vua.

Ông bèn bỏ luôn phần gậy bịt sắt, chỉ chống gậy không khi gần cận nhà vua. Và sự nghi kỵ cũng chấm dứt. Giỏi tâm lý, chú ý từng việc nhỏ để tránh hiềm nghi, yên lòng quan để yên lòng dân, đoàn kết mọi người vì nghĩa lớn dân tộc. Một tấm lòng trung trinh son sắt vì vua, vì nước.

Vua giao quyền tiết chế cho Trần Quốc Tuấn. Ông biết dùng người tài như các anh hùng Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng... đều từ cửa tướng của ông mà ra. Ông rất thương binh lính, và họ cũng rất tin yêu ông. Đội quân cha con ấy trở thành đội quân bách thắng.

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng "cột đá chống trời". Ông đã soạn hai bộ binh thư: "Binh thư yếu lược", và "Vạn Kiếp tông bí truyền thư" để dạy bảo các tướng cách cầm quân đánh giặc. Trần Khánh Dư, một tướng giỏi cùng thời đã hết lời ca ngợi ông: "... Lấy ngũ hành cảm ứng với nhau, cân nhắc cửu cung, không lẫn âm dương...". Biết dĩ đoản binh chế trường trận, có nghĩa là lấy ngắn chống dài. Khi giặc lộ rõ ý định gây hấn, Trần Quốc Tuấn truyền lệnh cho các tướng, răn dạy chỉ bảo lẽ thắng bại tiến lui. Bản Hịch tướng sĩ viết bằng giọng văn thông thiết hùng hồn, mang tâm tư tưởng của một bậc "đại bút".

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng tài có đủ tài đức. Là tướng nhân, ông thương dân, thương quân, chỉ cho quân dân con đường sáng. Là tướng nghĩa, ông coi việc phải hơn điều lợi. Là tướng chí, ông biết lẽ đời sẽ dẫn đến đâu. Là tướng dũng, ông sẵn sàng xông pha vào nơi nguy hiểm để đánh giặc, lập công, cho nên trận Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời là đại công của ông. Là tướng tín, ông bày tỏ trước cho quân lính biết theo ông thì sẽ được gì, trái lời ông thì sẽ bị gì. Cho nên cả ba lần đánh giặc Nguyên Mông, Trần Quốc Tuấn đều lập công lớn.

Hai tháng trước khi mất, vua Anh Tông đến thăm lúc ông đang ốm, có hỏi:

Nếu chẳng may ông mất đi, giặc phương Bắc lại sang xâm lấn thì kế sách làm sao?

Ông đã trả lời những lời cuối cùng, thật thâm thía và sâu sắc cho mọi thời đại dựng nước và giữ nước:

Thời bình phải khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách giữ nước.

Mùa thu tháng Tám, ngày 20, năm Canh Tý, Hưng Long thứ 8 (1300) "Bình Bắc đại nguyên soái" Hưng Đạo đại vương qua đời. Theo lời dặn lại, thi hài ông được hỏa táng

thu vào bình đồng và chôn trong vườn An Lạc, giữa cánh rừng An Sinh miền Đông Bắc, không xây lăng mộ, đất san phẳng, trồng cây như cũ...

Khi ông mất (1300), vua phong ông tước Hưng Đạo đại vương. Triều đình lập đền thờ ông tại Vạn Kiếp, Chí Linh, ấp phong của ông thuở sinh thời. Công lao sự nghiệp của ông khó kể hết. Vua coi như bậc trượng phu, trăm họ kính trọng gọi ông là Hưng Đạo đại vương.

Trần Hưng Đạo là một anh hùng dân tộc, một danh nhân văn hóa Việt Nam.

### ***1.2.2 Sự nghiệp***

Ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông

Danh tiếng lẫy lừng của Trần Hưng Đạo gắn liền với cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại hồi thế kỉ 13 chống quân xâm lược Nguyên Mông, một đế chế hùng mạnh từng một thời hoành hành khắp Á Âu.

Đến nay, sau hơn 700 năm đại thắng Nguyên - Mông, các nhà nghiên cứu quân sự, sử gia, chính trị gia, các danh tướng mọi thời đại trong và ngoài nước vẫn không ngừng tìm hiểu và tôn vinh thiên tài quân sự Trần Quốc Tuấn. Cách dùng binh độc đáo, nghệ thuật quân sự kỳ tài, tấm gương đạo đức của ông mãi mãi là tài sản vô giá không riêng của dân tộc Việt Nam.

Hưng Đạo vương đã lường trước những khó khăn trong các cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông. Khó khăn đã được ông giải quyết từng bước thấu đáo, triệt để, không những trong phương lược chống giữ mà còn biểu hiện rõ nét và thống nhất từng bước đi trước đó hàng chục năm.

Tác chiến với một đội quân quá mạnh, vừa tinh nhuệ, vừa hiểm ác trong khi đó quân dân ta đã nhiều năm không quen chiến trận là một điều nan giải. Nhà Tống, một đế quốc phong kiến hùng mạnh với trăm vạn đại quân và hàng ngàn tướng giỏi vừa bại vong dưới vó ngựa Nguyên - Mông.

Giải quyết bài toán này, Hưng Đạo vương đã khéo léo khi khích lệ lòng quân (bằng tổng duyệt binh tại Đông Bộ Đầu); lòng dân (bằng Hội nghị Diên Hồng); lòng tự tôn, tự trọng của giới tôn thất, tướng lĩnh, quý tộc triều Trần (Hội nghị Bình Than). Bằng ý chí kiên cường, trí tuệ thiên tài và đặc biệt là tâm đức một lòng một dạ vì Tổ quốc, Hưng Đạo vương chính là ngọn cờ đầu, vị thống soái quân sự, vị thủ lĩnh tinh thần kiệt xuất cùng nhân dân cả nước làm nên những chiến công lịch sử.

Tháng 1 năm 1285, Thoát Hoan cầm đầu đội quân chủ lực cùng những tướng soái thao chinh chiến dẫn đại quân từ Ung Châu - Trung Quốc tiến thẳng vào Lộc Châu - Đại Việt (nay là Lộc Bình - Lạng Sơn) gần như không phải gặp sự kháng cự nào đáng kể. Đúng như dự kiến, đại quân Nguyên - Mông đã dùng chiến tranh chớp nhoáng đánh Đại Việt. Ta sử dụng chiến lược từng bước lui binh, bảo toàn lực lượng, bỏ ngõ kinh thành cho giặc dữ.

Dưới quyền thái tử Thoát Hoan có không ít những tướng lĩnh, những tên Hán gian cáo già bắt đầu nghi ngờ chiến lược lui binh của Trần Quốc Tuấn. Chúng hết sức cảnh giác và thận trọng sau khi chiếm được kinh thành Thăng Long và hạ lệnh cho đại quân của nguyên soái Toa Đô, khi ấy được cử đi đánh Chiêm Thành bằng đường biển quay sang tiến công Nghệ An, dùng thế gọng kìm để bắt hai vua Trần và Trần Quốc Tuấn tại hành cung Thiên Trường.

Toa Đô cùng quân tướng phá vỡ ải Nghệ An, hung hăng tiến đánh Thanh Hóa, kẹp các vua Trần và bộ chỉ huy quân sự tối cao của vương triều vào giữa trùng vây. Trần Quốc Tuấn thừa lệnh hai vua, cử Trần Quang Khải, người văn võ toàn tài, vào Thanh Hóa, Nghệ An chặn giặc, cầm chân đội quân Toa Đô. Mặt khác, ông điều phần lớn quân chủ lực rút ra mạn biển, vùng đất chưa xảy ra chiến sự, theo đường biển đi thẳng vào Thanh Hóa, khéo léo hành quân luồn trở lại sau lưng đội quân Toa Đô phá thế chiến lược của chúng.

Cánh quân Toa Đô bị rơi vào thế bùng nhùng của cuộc chiến tranh, điều mà các tướng soái Nguyên - Mông hết sức ngán ngẫm. Đại quân Thoát Hoan lần chần có ý chờ vào thắng lợi của Toa Đô trong khi thời tiết ẩm thấp mùa hè phương Nam bắt đầu phát huy tác dụng ảnh hưởng xấu với giặc phương Bắc.

Tháng 5 năm 1285, Trần Quốc Tuấn điểm binh tướng, chấn chỉnh đội ngũ, hạ lệnh hành binh tổng phản công.

Đầu tháng 6 năm 1285, Hưng Đạo vương hạ lệnh tấn công A Lỗ và đại thắng. Vạn hộ hầu Lưu Thế Anh, chỉ huy các tướng lĩnh của địch ở đây đã phải bỏ đồn tháo chạy.

Thời cơ chiến lược của Hưng Đạo vương là chủ động đánh tan liên quân Toa Đô - Ô Mã Nhi ngay tại đại bản doanh của chúng ở Hàm Tử.

Chiến thắng Hàm Tử có tính bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên - Mông lần thứ hai, tạo thế và lực mới có lợi cho ta, tạo đà cho một chuỗi các chiến thắng Tây Kết, Chương Dương, Thăng Long... và Thoát Hoan phải rời bỏ kinh thành,

ôm mỗi nhục của kẻ bại trận, hoảng loạn lui binh tạo ra một vết nhơ với đội quân Nguyên - Mông từng bách chiến bách thắng.

Trong lần thứ ba đánh thắng quân xâm lược Nguyên - Mông (1287- 1288), một lần nữa, Hưng Đạo vương lại thể hiện vai trò quân sự kiệt xuất của mình cùng với quân và dân triều Trần đánh gục vĩnh viễn ý đồ xâm lược Đại Việt của chúng.

Cũng như những lần trước, chiến thuật của Hưng Đạo vương lui binh nhường thế thượng phong cho đại quân Nguyên - Mông được triển khai ngay từ những ngày đầu.

Một lần nữa thái tử Trần Nam vương lại mắc mưu Hưng Đạo vương

Đứng trước nguy cơ bị tập kích bất cứ lúc nào từ nhiều hướng, đám tướng lĩnh dưới quyền Thoát Hoan đã không có được cơ mưu nào chỉ còn nước bàn lùi: "Ở Giao Chỉ không có thành trì để giữ, không có lương thực để ăn mà thuyền lương của Trương Văn Hổ lại không đến, khí trời lại nóng nực, lương hết, quân mệt, không lấy gì để chống giữ lâu được, sẽ làm hỏ thẹn triều đình, nên toàn quân mà về thì hơn".

Tâm trạng rối bời vừa sợ hãi vừa điên loạn, tháng 3 năm 1288, Thoát Hoan hạ lệnh triệt phá kinh thành Thăng Long, chia quân làm hai đạo thủy bộ rút về nước.

Một mệnh lệnh hành quân ô nhục nhất của đạo quân xâm lược.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, vị thánh tướng hiển minh của dân tộc, tầm vóc tài năng quân sự kiệt xuất vượt ra khỏi ranh giới Đại Việt, là một trong mười tướng lĩnh tài giỏi nhất mọi thời đại được thế giới tôn vinh. Tài năng quân sự của ông biểu hiện rõ nhất là giá trị sớm nhận thức được nguồn sức mạnh của nhân dân trong giữ nước, đánh giặc ngoại xâm. Trong sự nghiệp hiển hách ba lần chiến thắng quân xâm lược Nguyên - Mông, Hưng Đạo vương có vai trò đặc biệt quan trọng. Ông được vua Trần tin yêu, giao quyền tiết chế, thống suất cả vương hầu, tông thất, tướng lĩnh, dân binh, điều động toàn quân chống giặc. Bản lĩnh của Hưng Đạo vương thể hiện ở quyết tâm đánh địch và đánh thắng địch mạnh không gì lay chuyển, ngay cả những lúc thế nước ngàn cân treo sợi tóc đều tuyệt đối tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng, là ngọn cờ giữ vững lòng quân, lòng dân.

Tài năng kiệt xuất của Hưng Đạo vương chính là việc nhận thức rõ nhân dân mới là nguồn sức mạnh giữ nước, nguồn sức mạnh vô địch, nguồn sức mạnh mà không một kẻ thù tàn bạo nào có thể khuất phục. Ông luôn chăm lo sức dân ngay từ thời bình cũng như trong thời chiến. Chủ trương sâu sắc của ông mà đỉnh cao là tư tưởng: "Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc mới là thượng sách giữ nước".

Trong ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông này, công lao của Trần Hưng Đạo là vô cùng to lớn. Sử gia Nguyễn Khắc Thuần tóm lược như sau :

“Trần Hưng Đạo đã tham gia việc cầm quân và huấn luyện quân sĩ. Khi chưa đầy 30 tuổi Trần Hưng Đạo đã là tổng chỉ huy quân đội của nhà Trần ở vùng đông bắc và có công rất lớn trong sự nghiệp chống quân xâm lăng Mông Cổ năm 1257-1258. Ông đã huấn luyện quân đội ngày càng tinh nhuệ, và chủ trương của Trần Hưng Đạo là một chủ trương rất tiến bộ mà giá trị câu nói của ông lúc sinh thời vẫn còn bất diệt với non sông, đó là “binh quý hồ tinh bất quý hồ đa”, nghĩa là “binh quý ở chỗ tinh nhuệ chứ không phải ở số đông”. Chủ trương đó thật sự đúng đắn, đã phát huy được tác dụng to lớn trong sự nghiệp bảo vệ độc lập thế kỉ 13.

Trần Hưng Đạo là tướng tổng chỉ huy lực lượng vũ trang của quân đội Đại Việt trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại thế kỉ 13 chống quân xâm lược Nguyên Mông. Đó là lần thứ hai vào năm 1285 và lần thứ 3 vào năm 1287-1288. Trần Hưng Đạo đã chọn đúng người đúng việc. Trần Hưng Đạo đã tự tin và chuyên tâm niềm *tự* tin đó đến với mọi người, dù đó là binh sĩ, dù đó là tướng lĩnh, thậm chí đến thái thượng hoàng hay hoàng đế cũng được ông chuyên tâm niềm tự tin ấy mới có thể vững vàng trước thử thách của non sông.

Trần Hưng Đạo đã khai thác hết mọi tài năng của con người, kể cả những người dưới đáy xã hội, đặc biệt là lực lượng gia nô. Chính ông đã có lời nói về hành vi của Yết Kiêu và Dã Tượng khi mà những người này bộc lộ niềm trung thành lớn lao và đức hi sinh cao cả. Ông nói rằng: “Chim hồng chim học sở dĩ bay cao bay xa là nhờ vào 6 trụ xương cánh. Nếu không có 6 trụ xương cánh thì chim hồng chim học cũng chỉ là chim thường thôi”.

Ở đây chim hồng chim học chính là Trần Hưng Đạo và quý tộc họ Trần, những vị tướng cao cấp của quân đội nhà Trần, còn 6 trụ xương cánh ấy chính là những người như Yết Kiêu, Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô và nhiều gia nô khác.

Ông là nhà chỉ huy thiên tài, và thắng lợi trong cuộc chiến vệ quốc vĩ đại đã chứng tỏ thiên tài của Trần Hưng Đạo. Vì chúng ta biết rằng, đế quốc Mông Nguyên có diện tích khổng lồ, mình như con ác thú phủ kín từ Hắc Hải cho đến Thái Bình Dương”.

### ***1.2.3. Vị trí và vai trò của Hưng Đạo Đại Vương trong lịch sử dân tộc và đời sống tâm linh người Việt.***

a, Trần Hưng Đạo trong lịch sử dân tộc.



Trong lịch sử hiền hách của nhà Trần, Trần Quốc Tuấn - nhà quân sự, nhà chính trị kiệt xuất - có vai trò đặc biệt quan trọng. Ông là con An Sinh Vương Trần Liễu và cháu ruột vua Trần Thái Tông. Từ nhỏ đã có năng khiếu văn chương và võ nghệ, lớn lên, ông có học vấn uyên bác, hiểu thấu “lục thao tam lược”. Khi quân Nguyên Mông xâm lược nước ta lần đầu (năm 1258), ông được cử cầm quân giữ biên thùy phía Bắc. Trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 2 (năm 1285) và lần thứ 3 (năm 1287), ông được cử làm Quốc công Tiết chế thống lĩnh toàn quân đánh giặc. Ở cương vị này, ông vừa là nhà chiến lược vạch ra đường lối tiến hành cuộc chiến tranh giữ gìn độc lập cho Tổ quốc vừa là người trực tiếp tổ chức thực hiện cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược, giành được thắng lợi lẫy lừng. Công lao to lớn này đã đưa Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lên hàng một thiên tài quân sự có tầm chiến lược và một anh hùng dân tộc công lao bậc nhất của nhà Trần. Nhân dân kính trọng, ngưỡng mộ ông đã lập đền thờ sống ông ở Vạn Kiếp. Khi mất, ông được phong tặng là *Thái sư Thượng Phụ Thượng Quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương*. Tín ngưỡng dân gian đã đưa ông lên hàng các vị thánh - Đức Thánh Trần.

Chính với tài năng chính trị và quân sự kiệt xuất, với tấm lòng tận trung với nước, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã cùng với quân dân nhà Trần đưa triều đại nhà Trần lên hàng những triều đại thịnh trị nhất trong lịch sử các nhà nước phong kiến Việt Nam.

b, Trần Hưng Đạo trong đời sống tâm linh người Việt.

Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn hiển nhiên là một nhân vật lịch sử. Ông đã được lịch sử tôn vinh là người có công và có tài cầm quân, là bậc tướng mưu lược vào bậc nhất trong lịch sử của dân tộc. Tên tuổi ông không chỉ ghi trong sử sách mà khắp nước còn lập đền thờ ông, dựng tượng ông, và ngày càng sùng kính ông, tới nay chưa có dấu hiệu phai pha. Đó là về con người thực của nhân vật lịch sử kiệt xuất Hưng Đạo Đại vương.

Tuy nhiên, Trần Hưng Đạo còn được dân chúng ngưỡng mộ suy tôn ông là một vị thánh. Trong lịch sử Việt Nam, các nhân vật lịch sử chỉ có Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn là người duy nhất được tôn vinh là Thánh. Vậy là ông từ những ngôi đền được dân chúng tri ân bước thẳng vào ngôi điện tâm linh trong tâm thức sùng kính của muôn dân. Vị Thánh ấy chính là khát vọng của quần chúng. Và một khi họ đã chấp nhận ông là Thánh của họ thì họ đắp điểm cho ông đủ thứ quyền uy mà họ cần. Điều

đó giải thích vì sao nhân dân đặt Đức Thánh Trần Hưng Đạo vào hàng linh thiêng bậc nhất. Trần Hưng Đạo đã là, luôn và mãi mãi là biểu tượng cao đẹp của lòng yêu nước và ý chí quật cường của dân tộc.

### **1.3. Các di tích thờ Trần Hưng Đạo trên cả nước**

#### ***1.3.1. Mục đích , ý nghĩa của việc thờ tự***

A, Mục đích :

Việc thờ tự các di tích thờ Trần Hưng Đạo có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống nhân dân người Việt, làm tăng giá trị lịch sử, tín ngưỡng , lòng biết ơn của nhân dân với nhân vật lịch sử có thật Trần Hưng Đạo. Ngoài việc thể hiện đạo lý việc thờ tự còn mang mục đích quảng bá các di tích với các du khách trong và ngoài nước, quảng bá văn hóa Việt Nam.

B, ý nghĩa :

Việc thờ tự có ý nghĩa thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn của dân tộc, tâm thức dân gian coi Trần Hưng Đạo là 1 vị Thánh, giữ gìn bản sắc dân tộc, truyền bá cho thế hệ mai sau biết về chiến thắng lịch sử, truyền thống dân tộc, anh hùng người có công với dân tộc. Lưu giữ những giá trị lịch sử, kiến trúc cổ, với thời gian và quang bá với bạn bè trên thế giới.

#### ***1.3.2. Những địa phương có di tích thờ Trần Hưng Đạo.***

Các di tích thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn bao gồm hệ thống đình, đền, phủ, miếu, điện, chùa làng và theo lối thờ “vong”, “rước chân nhang”. Chỉ tính riêng tại Nam Định và Hà Nam đã có gần 230 di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương như Đền Cổ Trạch (Đền Hạ) nơi thờ tự Trần Hưng Đạo cùng gia tộc và bộ tướng của ông. Đền Bảo Lộc xưa là khu thái ấp của An Sinh Vương Trần Liễu (thân phụ của Trần Hưng Đạo), nay là nơi thờ Hưng Đạo Đại Vương.

Bên cạnh hệ thống di tích được dựng lên để tưởng niệm các vua Trần và Trần Hưng Đạo, Nam Định còn có nhiều di tích kiến trúc nghệ thuật, minh chứng của một thời kỳ phát triển của đạo Phật và sức sáng tạo tài hoa của nhân dân thời Trần. Những phế tích cung điện Trùng Quang, Trùng Hoa và các khu thái ấp, cùng số lượng lớn những thần phả, đạo sắc phong, hoành phi, câu đối, những câu chuyện truyền miệng được sưu tầm là những giá trị to lớn kết tạo nên những giá trị di sản văn hóa Nam Định xưa và nay. “Tháng Tám hội Cha” đã trở thành “ngày lịch” của mọi người, mọi nhà cùng tìm về

quê hương Vương triều Trần. Đó cũng là đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” cao đẹp của nhân dân và dân tộc Việt Nam từ bao đời nay.

Các di tích thờ Trần Hưng Đạo trên cả nước

- Đền Bảo Lộc, tỉnh Nam Định
- Đền Tân Phẩm, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Đền Trần Thương, tỉnh Hà Nam
- Đền Đức Thánh Trần, 36 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đền A Sào, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
- Điện Thờ Đức Thánh TRẦN, thôn Quang Trung , xã Diên Hồng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Chùa Vẽ - thành phố Hải Phòng.
- Đền Phú Xá- thành phố Hịa Phòng.
- Đền Cổ Trạch- tỉnh Hà Nam.
- Đền Thượng.

### **1.3.3. Các lễ hội gắn với Trần Hưng Đạo.**

- Lễ hội Bạch Đằng tại phường Yên Giang TX Quảng Yên. Lễ hội Bạch Đằng gắn liền với Bạch Đằng giang, con sông đã chứng kiến chiến thắng lẫy lừng của quân dân Đại Việt thời Trần do Trần Hưng Đạo làm Tổng chỉ huy, đập tan giấc mộng xâm lược của kẻ thù hung hãn phương Bắc thế kỷ XIII (1288). Lễ hội được tổ chức hàng năm kỷ niệm chiến công xưa như ôn lại bài học ngời sáng để đời đời con cháu noi theo gương sáng của ông cha, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc thân yêu

- Lễ hội Đền Kiếp Bạc thuộc địa phận hai thôn Dục Sơn và Vạn Kiếp, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương là nơi thờ phụng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Vào thế kỷ 13, đây là nơi Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn lập căn cứ, tích trữ lương thực, huấn luyện quân sĩ trong các cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Sang thế kỷ 14, đền thờ ông được xây dựng tại nơi đây và là nơi tổ chức các lễ hội hàng năm để dâng hương tưởng niệm vị anh hùng của dân tộc Việt, lễ hội chính tổ chức từ ngày 15 đến ngày 20 tháng 8 âm lịch.

- Lễ hội Đền Thượng tại phường Lào Cai tp Lào Cai. Đền được lập nên để thờ Đức thánh Trần (Trần Hưng Đạo), người đã có công ba lần đánh thắng quân Nguyên. Khác với lễ hội ở các di tích là nơi thờ Trần Hưng Đạo, đền Thượng ngoài ngày lễ chính là

ngày 20 tháng 8 Âm lịch (ngày kỵ của Đức thánh Trần), từ ngày tái lập tỉnh Lào Cai (1991) đến nay, vào ngày rằm tháng Giêng hằng năm đều tổ chức lễ hội, với những hoạt động phong phú và đặc sắc.

## **Chương 2. Thực trạng các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông**

### **Bạch Đằng:**

#### **2.1. Tìm hiểu về sông Bạch Đằng:**

Một dòng sông có thể khiến tâm hồn thơ Nguyễn Trãi xao động, nhưng cũng có thể tạc trên sử sách những chiến công vĩ đại của những người anh hùng đất Việt. Đó chính là con sông của huyền thoại lịch sử: Bạch Đằng Giang hay sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng có vị trí quan trọng không chỉ trong giao thông mà còn mang dấu ấn sâu đậm trong suốt chiều dài lịch sử, văn hóa ngàn năm qua của dân tộc Việt Nam.

##### **2.1.1. Vị trí địa lý - cảnh quan**

Sông Bạch Đằng có nguồn chính chảy từ sông Lục Đầu, có các chi mạch từ Đông Triều về gặp sông Giá và sông Đá Bạc, chảy xuống dưới và đổ ra biển bằng hai cửa: dòng chính dài khoảng 20km, đổ ra cửa Nam Triệu, xưa gọi là cửa Bạch Đằng. Hai chi lưu là sông Chanh dài khoảng 18km, đổ ra cửa Lạch Huyện và chi lưu sông Rúp (còn gọi là sông Nam) dài khoảng 16km, hợp với dòng chính đổ ra cửa Nam Triệu.

Trong dư địa chí, Nguyễn Trãi từng mô tả: “sông Vân Cù tức sông Bạch Đằng rộng 2 dặm linh 69 trượng, sâu 5 thước, núi non cao vót, nước suối giao lưu, song tung lên tận trời, cây cối nắp bờ, thật là nơi hiểm yếu”. Tên Vân Cù được giải thích là bởi khi nước triều lên có gió bắc thổi, hoặc nước triều xuống có gió nam thổi, dòng sông cuộn lên những con sóng lớn bạc đầu như mây trắng. Ngoài ra sông Bạch Đằng còn có tên gọi khác là sông Rừng, ngày nay vẫn còn tên bến Rừng, phà Rừng trên đường sang Hải Phòng. Người Quảng Yên trước đây từng mưu truyền câu:

“Con ơi nhớ lấy lời cha

Gió nổi, nước rặc chớ qua sông rừng”

Để nói lên sự hiểm yếu của sông là vậy. Sông Bạch Đằng có điểm đầu là phà Rừng Hải Phòng ‘ranh giới Hải Phòng và Quảng Ninh’, điểm cuối là cửa Nam Triệu Hải Phòng. Sông có chiều dài 32km. Các loại tàu thuyền có tải trọng 300-400 tấn tham gia vận tải được cả hai mùa. Sông Bạch Đằng là con đường thủy tốt nhất để đi vào Hà Nội, Thăng Long ngày xưa từ miền Nam Trung Quốc, từ cửa sông Nam Triệu các chiến thuyền đi vào sông Kinh Thầy, sông Đuống và cuối cùng là sông Hồng đoạn chảy qua Hà Nội.

Về lịch sử dòng sông, trong cuốn đất nước Việt Nam qua các đời ‘nhà xuất bản Thuận Hóa, 1997’, tác giả nhà sử học Đào Duy Anh đã phân tích chứng minh và đưa ra các nhận định rằng do hậu quả của những thay đổi của sông Hồng phía trên sông Lục Đầu diễn ra âm thầm hàng trăm năm, thế nước của sông Giá và sông Bạch Đằng đã suy yếu thì thế nước của sông Đá Bạc tuy cũng yếu đi nhưng nhờ có nhiều suối ở các huyện Yên Hưng đổ vào nên lại tương đối mạnh hơn dòng sông Giá. Nước sông Đá Bạc mạnh hơn đã xô nước sông Giá khi vào ngã tư xuống thẳng phía nam và làm cho dòng sông ra cửa Nam Triệu to lên nhiều mà được người ta nhận lầm là dòng chính của sông Bạch Đằng. Sông Bạch Đằng cũ theo dòng sông Chanh đã nhỏ dần đi theo sông Giá, một phần lòng sông đã thành bãi Sù, chỉ còn dải nước nhỏ ở giữa. Dòng Bạch Đằng cũ trở thành lòng sông nước lớn của sông Chanh. Chỗ đào được cọc lim tức bãi cọc Yên Giang chính là nằm trong lòng sông Bạch Đằng xưa. Thế là sông Bạch Đằng, chỉ khúc sông từ ngã tư trở đi đã thay một khúc sông khác và tên cửa Bạch Đằng đã được đồng nhất với tên cửa Nam Triệu có từ trước- nhà sử học Đào Duy Anh kết luận.

### ***2.1.2. Những chiến thắng lịch sử trên sông Bạch Đằng.***

Sông Bạch Đằng là một địa danh nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam. Với ba lần là chiến trường, chứng kiến những thắng lợi to lớn của quân dân Đại Việt chống giặc phương Bắc vào các năm 938- Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, năm 981- Lê Hoàn đánh thắng quân Tống và đặc biệt là năm 1288- Trần Hưng Đạo lại áp dụng chiêu thức “đóng cọc nhọn” đánh thắng oanh liệt quân Nguyên Mông, sông Bạch Đằng có lẽ là con sông oai hùng được sử sách ghi chép, thi phú ngợi ca nhiều nhất Việt Nam. Nhiều tác phẩm thi ca, tiêu biểu là phú Bạch Đằng Giang của Trương Hán Siêu thời Trần được ví như một áng thiên cổ hùng văn trong lịch sử văn học yêu nước Việt Nam, một áng văn chứa chan niềm tự hào dân tộc, có ý nghĩa tổng kết lại chiến thắng Bạch Đằng thời bấy giờ.

-Trận thủy chiến sông Bạch Đằng năm 938: Ngô Quyền đánh thắng quân xâm lược Nam Hán.

Ngô Quyền là vị vua họ Ngô đầu tiên của nước ta. Ông là người lãnh đạo quân ta đánh thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, chấm dứt thời kỳ hơn 1.000 năm Bắc thuộc và mở Ở Trung Quốc, năm 907 nhà Đường sụp đổ. Các tập đoàn phong

kiến quân phiệt phương Bắc vừa thôn tính, tiêu diệt nhau đẫm máu, vừa tận dụng mọi cơ hội bành trướng xâm lược ra bên ngoài.

Vua Nam Hán là Lưu Nghiễm (sau đổi là Lưu Cung) đã đặt tên nước là Đại Hán với tham vọng kế tục mộng bành trướng của đế chế Đại Hán hồi đầu Công nguyên. Hướng bành trướng chủ yếu của Nam Hán là phương Nam, nhằm vào đất nước ta, một đất nước giàu có và giữ vị trí trọng yếu của vùng Đông Nam Á, lại vừa qua hơn nghìn năm Bắc thuộc.

Thực hiện mộng bành trướng đó, năm 930, vua Nam Hán đã mở cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ nhất. Chúng đã đánh bại được chính quyền họ Khúc, chiếm được phủ thành Đại La. Năm 931, một tướng của họ Khúc là Dương Đình Nghệ đã dấy quân từ châu Ái, nhanh chóng quét sạch quân giặc ra khỏi nước nhà, giành lại chủ quyền dân tộc.

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn ám hại để đoạt chức Tiết độ sứ. Kiều Công Tiễn đã cho người sang cầu cứu vua Nam Hán. Nhân thời cơ đó, Nam Hán phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Lần này, vua Nam Hán sai con trai là Thái tử Giao Vương Lưu Hoảng Tháo thống lĩnh quân thủy vượt biển tiến vào nước ta. Vua Nam Hán cũng đích thân đem quân áp sát biên giới để yểm trợ, gây thanh thế cho con và sẵn sàng tiếp ứng khi cần thiết.

Đến tháng 10 năm 938, Ngô Quyền từ vùng châu Ái đem quân ra đánh Kiều Công Tiễn, trừ mối họa bên trong và làm thất bại ngay từ đầu âm mưu dùng nội ứng của Nam Hán. Sau đó, ông huy động nhân dân cả nước khẩn trương bước vào cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán.

Trên cơ sở phát huy sức mạnh đoàn kết và khí thế độc lập của dân tộc, phân tích và đánh giá chỗ mạnh, chỗ yếu của ta và của địch, Ngô Quyền bày một thế trận hết sức kiên quyết, chủ động và lợi hại để nhanh chóng phá tan quân giặc.

Ông huy động nhân dân dẫn gỗ, vót nhọn, bịt sắt, đóng thành một bãi cọc ở cửa sông Bạch Đằng. Quân thủy bộ với sự tham gia của các lực lượng dân binh, bố trí mai phục sẵn ở phía trong bãi cọc, vùng hạ lưu sông Bạch Đằng. Một đội thuyền nhẹ dưới quyền chỉ huy của người thanh niên Gia Viện (Hải Phòng) là Nguyễn Tất Tố, giỏi bơi lội và quen thuộc sông nước, được giao nhiệm vụ khiêu chiến, nhân lúc nước triều lên như địch vượt qua bãi cọc, dẫn thân vào chạm bẫy mai phục bên trong của ta.

Bạch Đằng là cửa ngõ phía Đông Bắc của Tổ quốc ta, như tác giả bộ sử "Cương mục": "Sông rộng hơn hai dặm, ở đó có núi cao ngất, nhiều nhánh sông đổ lại, sóng cồn man mác giáp tận chân trời, cây cối um tùm che lấp bờ bên". Ngô Quyền không những biết lợi dụng địa hình thiên nhiên, để ém quân mai phục, phối hợp bộ binh với thủy binh, ông còn là người biết lợi dụng thủy triều sớm nhất trong lịch sử quân sự nước ta, gắn với việc bố trí bãi cọc ngầm nổi tiếng.

Trong thế trận của Ngô Quyền, trận địa mai phục bên trong bãi cọc giữ vai trò quyết định, chặn đứng đoàn thuyền địch và giáng cho chúng một đòn tiêu diệt bất ngờ, nặng nề. Trận địa cọc giữ vai trò quan trọng, khóa đường tháo chạy của chiến thuyền địch và bao vây tiêu diệt triệt để quân giặc. Sự phối hợp giữa hai trận địa chứng tỏ quyết tâm chiến lược của Ngô Quyền là phen này không chỉ đánh bại quân giặc mà còn bao vây, tiêu diệt toàn bộ binh thuyền của giặc, giành thắng lợi oanh liệt, đập tan mộng xâm lược bành trướng của triều Nam Hán. "Trận địa cọc" là một nét độc đáo của trận Bạch Đằng, cũng là một sáng tạo rất sớm trong nghệ thuật quân sự Việt Nam mà người khởi xướng là Ngô Quyền.

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán trên sông Bạch Đằng đã diễn ra ác liệt và kết thúc rất nhanh gọn.

Ngô Quyền trực tiếp chỉ huy quân mai phục sẵn ở phía trong bãi cọc, dấu quân trong các nhánh sông và bên hữu ngạn sông Bạch Đằng.

Khi cả binh đoàn thuyền lớn của Hoàng Tháo ào ạt vượt cửa biển An Bang tiến vào cửa ngõ Bạch Đằng, Ngô Quyền cho bộ phận tiên phong dùng thuyền nhẹ ra đón đánh địch từ xa, nghi binh dụ địch. Lúc thủy triều lên to ngập trận địa cọc, bộ phận này giả thua rút chạy như địch vào trận địa đúng lúc, đúng chỗ. Tướng Hoàng Tháo kiêu ngạo thúc đại quân đuổi gấp, trúng kế, mắc mưu, vượt qua bãi cọc ngầm.

Đợi thủy triều xuống, Ngô Quyền mới cho quân mai phục đổ ra bao vây thuyền địch. Thuyền địch va vào cọc nhọn bịt sắt bị đâm thủng, chìm đắm gần hết, quân chết đuối quá nửa. Hoàng Tháo bị giáo đâm, lăn xuống nước chết tại trận. Quân ta giết và bắt sống hầu hết quân Nam Hán. Thời gian trận đánh chỉ diễn ra trong phạm vi một ngày. Chiến thắng Bạch Đằng nhanh gọn, bất ngờ đến mức vua Nam Hán đang cầm quân tiếp ứng đóng ở biên giới mà không kịp trở tay đối phó. Hán kinh hoàng, khùng khiếp, đành "*thương khóc thu nhặt quân còn sót lại mà rút lui*" (Đại Việt sử ký toàn thư) và "*đem dư chúng quay trở lại*" (Ngũ đại sử ký).



Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã ghi vào lịch sử dân tộc nói chung và lịch sử chống ngoại xâm nói riêng, như một sự kiện trọng đại có vị trí và ý nghĩa lịch sử hết sức lớn lao. Đây được coi là cột mốc quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Chiến thắng đã giúp phá bỏ nền thống trị hơn 1.000 năm của phong kiến phương Bắc, mở ra thời kỳ độc lập thực sự và lâu dài của dân tộc ta.

Ngô Quyền - người anh hùng của chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng năm 938 - trở thành vị vua có "*công tái tạo, vua của các vua*" theo như nhận định của Đại Việt sử ký toàn thư.

Mùa xuân năm Kỷ Hợi (939), Ngô Quyền quyết định bỏ chức Tiết độ sứ, tự xưng vương lấy hiệu là Ngô Vương Quyền, thành lập một vương quốc độc lập. Chọn kinh đô cũ của Âu Lạc là Cổ Loa làm kinh đô nước Việt để tỏ ý nối tiếp truyền thống của các vua Hùng, vua Thục.

Ngợi ca Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng, nhà sử học Lê Văn Hưu viết trong "Đại Việt sử ký toàn thư": "Tiền Ngô vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoảng Tháo, mở nước xưng vương, làm cho người phương Bắc không dám lại sang nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh cũng giỏi vậy. Tuy chỉ xưng vương, chưa lên ngôi đế, đổi niên hiệu, nhưng chính thống của nước Việt ta, ngô hầu đã nối lại được".

**-Trận thủy chiến Bạch Đằng năm 981:** Lê Hoàn đánh tan quân xâm lược Tống.

Chiến tranh Tống-Việt năm 981 là một cuộc chiến tranh giữa Đại Tống thời Tống Thái Tông và Đại Cồ Việt thời Lê Đại Hành diễn ra từ tháng 1 đến tháng 4 năm 981 trên lãnh thổ Đại Cồ Việt. Kết quả, quân và dân Đại Cồ Việt đã đánh bại quân đội Đại Tống. Sau cuộc chiến này, năm 986, hoàng đế Đại Tống chấp nhận nhà Tiền Lê và ban chế phong cho Lê Đại Hành.

Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và thế tử Đinh Liễn bị ám sát. Tháng 5 năm 980 (dương lịch), sứ nhà Tống ở Đại Cồ Việt là Lư Tập về nước báo cáo; triều đình nhà Tống biết được tình hình rối ren ở Đại Cồ Việt. Tháng 8 năm 980, Hầu Nhân Bảo, quan trấn thủ châu Ung của Đại Tống dâng thư lên hoàng đế Đại Tống báo cáo việc Đại Cồ Việt có nổi loạn và là thời cơ để đánh chiếm và xin được về kinh đô để trình bày rõ hơn. Hoàng đế Đại Tống theo lời khuyên của Lư Đa Tôn không triệu Hầu Nhân Bảo về kinh đô để giữ bí mật việc chinh phạt Đại Cồ Việt. Thay vào đó, Hữu Tráng là quan cai quản lộ Quảng Nam Tây (thuộc vùng Quảng Đông và Quảng Tây ngày nay)

được gọi về kinh đô báo cáo tình hình Đại Cồ Việt. Hữu Tráng tâu rằng: "ở Giao Châu thì vua cuối họ Đinh là Đinh Toàn còn nhỏ dại, bị giặc hãm hại, nước loạn mãi chưa yên, dân không biết dựa vào ai làm chủ. Ta nên kíp sai quân sang, nói là đến cứu..."trích trong Đại Việt sử kí toàn thư.

Nắm được tình hình Đại Cồ Việt rồi, Tống Thái Tông phong Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu lộ thủy lục kế độ chuyển vận sứ, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trùng, Giả Thực giữ chức Binh mã đô bộ thự lập tức chuẩn bị chiến tranh với Đại Cồ Việt. Đồng thời ban chiếu chinh phạt Đại Cồ Việt. Nội dung như sau:

*"Thanh giáo và oai linh của nước nhà vang khắp cả mọi nơi, gần đây đất Diên-Chỉ, chưa sáp nhập vào địa đồ Trung Quốc, chúng ở một phương, gần nơi Ngũ Lĩnh. Từ cuối đời Đường rối loạn, chia sẻ đất đai, rồi chúng làm ra một nước tiếm nguy, ở xa thanh giáo thành ra phong tục như đũa mù đũa điếc. Kịp khi Phiên-Ngung đã bình định, mới ban cho Chính-Sóc mà tuân hành, tuy đã phục tùng chịu làm phiên thuộc, nhưng cứ tu luyện binh lính, có ý quật cường. Lễ thờ phụng nước trên, lễ nào như thế? Vậy ta bắt đắc dĩ phải trị tội gian nguy để cứu dân, phải cử binh qua đánh để khai hoá xứ mọi rợ; nay cho bọn Tôn Toàn Hưng xuất quân qua đánh."*

Lời chiếu cho thấy việc vua Đinh và thế tử bị ám sát thực tế không liên quan đến việc Đại Tống muốn chinh phạt Đại Cồ Việt.

Mùa thu năm 980, quan trấn thủ châu Lạng (Lạng Sơn) báo tin cho triều đình việc quân Tống chuẩn bị đánh xuống Đại Cồ Việt. Lê Hoàn liền lên ngôi vua và gấp rút chuẩn bị kháng chiến.

Mùa Đông năm 980, Tống đế gửi thư tuyên chiến. Trong thư có đoạn: *"Hiện nay ta đã sửa sang binh xa và bộ tốt, hiệu lệnh chiêng trống rất nghiêm minh; nếu vâng theo giáo hóa thì được tha; nếu chống lại mệnh lệnh thì sẽ bị trị tội".*<sup>[3]</sup>

Lê Đại Hành một mặt chuẩn bị kháng chiến, một mặt vẫn sai sứ mang thư sang triều đình Đại Tống báo cáo việc đã lập Đinh Toàn nối ngôi Đinh Tiên Hoàng. Nhà Tống không đồng ý. Tống Thái Tông sai Lư Đa Tốn viết thư trả lời Lê Hoàn. Thư có đoạn: *"Nay chín châu bốn biển đã yên, chỉ còn Giao Châu của người ở xa cuối trời ... Người định về theo ta, hay muốn chuộc lấy tội. Ta đang chuẩn bị xe ngựa, binh lính, cờ lệnh, chiêng trống... nếu người quy hàng ta tha, nếu trái mệnh thì ta đánh. Theo hay không, lành hay dữ, người tự nghĩ lấy ..."*

Trận Bạch Đằng thứ nhất

Khâm định Việt sử thông giám cương mục và Việt Nam sử lược có chép về một trận Bạch Đằng. Tại đó, quân Đại Cồ Việt chịu thất bại vì quân Tống đông quá. Đại cương lịch sử Việt Nam tập I thì lại chép rằng ngay trận đầu này, quân Đại Cồ Việt đã thắng, đạo thủy quân của Tống bị đánh tan.

Theo các nghiên cứu lịch sử hiện đại, thì ngày 24 tháng 1 năm 981 cánh quân thủy do Hầu Nhân Bảo chỉ huy ồ ạt tiến vào cửa Bạch Đằng. Trong trận Bạch Đằng đầu tiên này, quân Đại Cồ Việt đã thất bại, không những không ngăn được quân Tống mà còn bị thương vong nhiều. Quân Tống lấy được 200 thuyền, tiêu diệt hơn 1.000 quân lính Đại Cồ Việt. Lê Đại Hành phải rút về vùng Xạ Sơn (huyện Kinh Môn), An Lạc (huyện Chí Linh (Hải Dương)) củng cố lại thế trận, đồng thời gửi thư trá hàng. Sau khi thủy quân Tống đánh trận Bạch Đằng khoảng 5 ngày, tức là vào 30 tháng 1 năm 981, lục quân Tống dưới sự chỉ huy của Hầu Nhân Bảo mới tới Hoa Bộ. Về địa danh Hoa Bộ, Trần Bá Chí (2003) cho biết Hoa Bộ là địa danh do nhà Tống gọi có nghĩa là nơi có nhiều người Hoa sinh sống và nghiên cứu này còn cho biết có nhiều quan điểm khác nhau về vị trí của địa danh Hoa Bộ. Có quan điểm cho rằng Hoa Bộ ở vùng Kép, tức là gần sông Thương. Có quan điểm cho đó là gần sông Cầu. Các quan điểm này thống nhất với quan điểm cho rằng lục quân Tống tiến vào Đại Cồ Việt qua đường Lạng Sơn. Bản thân Trần Bá Chí (2003) dẫn các nghiên cứu về khảo cổ và quan điểm quân sự cho rằng Hoa Bộ gần sông Bạch Đằng, ở khoảng huyện Thủy Nguyên ngày nay. Quan điểm cho rằng Hoa Bộ ở gần sông Bạch Đằng thống nhất với quan điểm cho rằng lục quân Tống tiến vào Đại Cồ Việt qua đường ven biển Đông Bắc. Đại cương lịch sử Việt Nam tập I lại cho rằng Hoa Bộ là địa danh ở Nam Quảng Đông (Trung Quốc) và Tôn Toàn Hưng đóng quân lý ở đó không chịu tiến vào Đại Cồ Việt. Tại Hoa Bộ, lục quân Tống đã gặp và giao tranh với quân Đại Cồ Việt. Tục tư trị thông giám trường biên của Lý Đào chép rằng quân Tống đã đánh bại "*hơn vạn quân Giao Chỉ, chém được 2.345 đầu giặc*". Tuy nhiên, lục quân Tống đã không thể tiến tiếp để gặp thủy quân.

Hầu Nhân Bảo chiếm được sông Bạch Đằng và các làng mạc xung quanh, đặt Giao Châu hành doanh tại đó để phối hợp quân thủy bộ, bước tiến sâu vào nội địa Đại Cồ Việt. Tuy nhiên, hai đạo thủy lục quân của Tống không thể liên lạc được. Tôn Toàn Hưng viện cớ chờ Lưu Trùng đưa viện binh (thủy quân) sang cùng tiến quân một thể. Đến tháng 3 năm 981, sau hơn 2 tháng chiếm Bạch Đằng – Hoa Bộ, cả 2 cánh

quân Tống vẫn dậm chân tại chỗ. Quân Tống liên tục bị quân chủ lực và dân binh các làng xã tập kích quấy rối, làm cho lực lượng bị tiêu hao, tinh thần binh lính suy giảm. Khi Lưu Trung đưa quân tới nơi, Tôn Toàn Hưng cùng Lưu Trường tiến quân, nhưng không gặp đối phương lại quay về Hoa Bộ.

Sau khi phát hiện quân Đại Cồ Việt có chiến lũy Bình Lỗ kiên cố, quân Tống chủ trương đánh chiếm Đại La để làm bàn đạp tiến đánh Hoa Lư. Ngày Tất niên năm Canh Thìn (tức 7 tháng 2 năm 981), Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng chỉ huy thủy lục quân tiến theo sông Kinh Thầy vào sông Lục Đầu. Phía Đại Cồ Việt trinh sát được sự di chuyển của quân Tống, liền kéo một bộ phận lớn về giữ sông Lục Đầu dưới sự chỉ huy của đích thân Lê Đại Hành cùng các tướng Trần Công Tích, Trần Bảo Trung, Trần Minh Khiết. Quân Đại Cồ Việt bố trí dọc tuyến sông từ Đại La tới sông Lục Đầu để ngăn cản đối phương vào Đại La. Tại sông Lục Đầu, quân Đại Cồ Việt có một căn cứ là Phù Lan. Trên sông có nhiều bãi cọc để ngăn thuyền bè của Tống.

Thủy quân Tống dàn quân chiếm sông Lục Đầu. Lục quân được vận chuyển bằng thuyền rồi đổ bộ lên bờ lập trại. Hai bên Tống - Việt giao chiến ác liệt. Quân Tống nhiều lần tìm cách chọc thủng phòng tuyến của quân Đại Cồ Việt để tiến về Đại La nhưng đều thất bại. Quân Tống bị thua to ở sông Lục Đầu, quân số hao hụt; vũ khí, chiến thuyền hư hỏng, mất mát nhiều, lương thực khó khăn thêm. Cuối cùng, quân Tống đành phải rút về vùng xung quanh sông Bạch Đằng, Sông Lục Đầu vì thế còn được gọi là sông Đò Lỗ. "Đò" nghĩa là giết, "Lỗ" chỉ quân Tống.

Sau trận Lục Đầu, tinh thần của quân Tống bị sa sút. Tôn Toàn Hưng sau khi quay về Hoa Bộ thì đóng lý ở đó bắt chấp sự thúc giục của Hầu Nhân Bảo, lấy cớ chờ quân tăng viện sang mới tiến được.

Khoảng giữa tháng 4 năm 981, mặc kệ việc Tôn Toàn Hưng không chịu phối hợp, Hầu Nhân Bảo tiến quân vào sông Hồng qua đường sông Hóa và sông Lục Giang (tức sông Luộc) để tìm cách tiến về Hoa Lư. Hai bên Tống - Việt đã giao chiến nhiều trận. Quân Tống không thể chọc thủng phòng tuyến Bình Lỗ, chịu thiệt hại, lại quay về sông Bạch Đằng.

Sau này, khi lâm chung, Trần Quốc Tuấn đã lưu ý vua Trần việc nhà Lê nhờ biết xây thành Bình Lỗ mà ngăn được quân phương Bắc.

Trận Bạch Đằng thứ hai

Các chính sử cũ của Việt Nam và cả một số nghiên cứu lịch sử hiện đại không hề nhắc đến trận này, tuy nhiên các nghiên cứu lịch sử mới hơn lại khẳng định có và còn cho rằng đây là trận đánh quyết định tiêu diệt chủ tướng và bộ phận lớn quân Tống.

Sau thất bại ở phòng tuyến Bình Lỗ, trở lại sông Bạch Đằng, đạo thủy binh Hậu Nhân Bảo rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Tuy viện binh Tống do Lưu Trùng chỉ huy đã kéo sang từ tháng 4 năm 981, nhưng "Giao Châu hành doanh" vẫn không sao thực hiện được kế hoạch hợp điểm, hội sư để cùng tiến chiếm Hoa Lư. Liên quân Lưu Trùng – Tôn Toàn Hưng tiến quân đến thôn Đa Ngư nhưng không gặp chủ quân Đại Cồ Việt để giao chiến, lại vội vã rút quân về Hoa Bộ. Cánh quân bộ do Trần Khâm Tô chỉ huy tiến xuống Tây Kết cũng trở thành đạo quân bị cô lập, ở vào tình thế dễ bị đối phương truy kích tiêu diệt. Cánh quân thủy của Hậu Nhân Bảo từ sau trận Lục Giang vốn đã bị tiêu hao sinh lực, phương tiện chiến đấu, lại bị chia cắt khỏi thế trận liên kết chung. Ý đồ tiêu diệt quân chủ lực của Đại Cồ Việt hoàn toàn thất bại.

Trong khi đó, Lê Đại Hành bí mật tăng cường lực lượng chuẩn bị 1 trận quyết chiến giáng đòn quyết định. Ông chọn 1 khúc sông hiểm yếu rồi bố trí quân mai phục chờ sẵn.

Ngày 28 tháng 4 năm 981, trận quyết chiến Bạch Đằng diễn ra.

Có nghiên cứu cho rằng Lê Đại Hành đã cho 1 cánh quân ra khiêu chiến với quân Hậu Nhân Bảo. Chiến sự đang diễn ra quyết liệt thì quân Đại Cồ Việt “thua chạy”, quân Tống “thừa thắng” đuổi theo. Khi chiến thuyền của Hậu Nhân Bảo lọt vào trận địa mai phục, Lê Đại Hành tung quân ra đánh ráo riết. Các chiến binh Đại Cồ Việt từ khắp các trận địa mai phục và từ các nẻo đường đổ về sông Bạch Đằng vây đánh quân Tống quyết liệt. Hậu Nhân Bảo bị giết chết trong đám loạn quân. Lưu Trùng vội vã dẫn đám tàn quân tháo lui ra biển.<sup>[19]</sup>

Tuy nhiên, Trần Bá Chí (2003) dẫn một số sử liệu của Trung Quốc và Việt Nam cho rằng Lê Đại Hành đã gửi thư trách hàng và lập đài tuyên thệ. Hậu Nhân Bảo tưởng thật, đi thuyền tới đài tuyên thệ thì bất ngờ bị thủy quân Đại Cồ Việt chia cắt khỏi lực lượng bảo vệ và bị lính tinh nhuệ của Đại Cồ Việt giết chết. Những người có công giết Hậu Nhân Bảo có thể là các tướng Đào Công Mỹ, người làng Dịch Sứ (Hà Bắc) và Phạm Công Quang, người trang Hoa Chương huyện Thủy Đường (Thủy Nguyên, Hải Phòng). Các mũi quân Đại Cồ Việt cũng đồng thời tấn công thủy quân Tống và tiêu diệt một bộ phận lớn.

Nghe tin Hầu Nhân Bảo bị giết trên sông Bạch Đằng, Tôn Toàn Hưng hoảng hốt dẫn quân bỏ chạy, đạo quân Trần Khâm Tộ ở Tây Kết lo sợ rút lui, bị quân Đại Cồ Việt truy kích tiêu diệt quá nửa. Tướng Tống là Triệu Phụng Huân bị bắt sống tại trận.<sup>[19]</sup> Một số sử liệu cũ của Việt Nam chép rằng viên tướng Quách Quân Biện cũng bị bắt trong trận Tây Kết. Tuy nhiên, Trần Bá Chí (2003) dựa vào kết quả nghiên cứu điền dã mà cho rằng Quách Quân Biện đã thoát trận Tây Kết và tìm cách rút về qua đường Sóc Sơn, Phổ Yên hướng về Vũ Nhai. Quân Đại Cồ Việt truy kích đến tận Vũ Nhai thì bắt được Quách Quân Biện.

Các sử liệu của Trung Quốc chép về các chiến thắng của quân Tống giai đoạn đầu khá rõ ràng, nhưng khi chép về các thất bại rất sơ lược. Tục tư trị thông giám trường biên của Lý Đào chép việc các tướng lĩnh chinh phạt Đại Cồ Việt thất bại bị trị tội. Theo đó Lưu Trưng cùng Giả Thực đều bị giết bêu đầu ở chợ Ung Châu. Tôn Toàn Hưng bị hạ ngục rồi bị tội chết. Trần Khâm Tộ, Hác Thủ Tuấn, Thôi Lượng đều bị trách phạt, giáng chức. Các tướng lĩnh Tống cao cấp bị chết hay bị bắt tại trận gồm tổng tư lệnh Hầu Nhân Bảo, Chu Vị, Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân.

Sau cuộc chiến này, Đại Tống chấp nhận xuống nước, thừa nhận Lê Hoàn là người cai trị Đại Cồ Việt. Hai bên giao hảo, cứ 2 năm một lần Đại Cồ Việt triều cống Đại Tống còn Đại Tống ban sắc phong cho Lê Hoàn. Sau này, vào năm 995, quân Đại Cồ Việt đã có hành động tiến quân sang đất Tống, như ở trấn Như Hồng thuộc địa phận châu Khâm. Nhà Tống gửi thư trách, nhưng Lê Hoàn đã trả lời khá "ngạo mạn":

*“Việc cướp trấn Như Hồng là do bọn giặc biển ở cõi ngoài, hoàng đế có biết đó không phải là quân của Giao Châu không? Nếu Giao Châu có làm phản thì đầu tiên đánh vào Phiên Nhung, thứ đến đánh Mân Việt, há chỉ dừng ở trấn Như Hồng mà thôi?”*

### **2.1.3. Chiến thắng của Trần Hưng Đạo trên sông Bạch Đằng**

Trận Bạch Đằng năm 1288 xảy ra trên sông Bạch Đằng thuộc đất Đại Việt, đây là một trận đánh quan trọng trong các cuộc Kháng chiến chống Nguyên Mông trong lịch sử Việt Nam. Đây là chiến thắng vẻ vang của quân Đại Việt do Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo cùng với Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông chỉ huy trước quân xâm lược Nguyên Mông. Quân Nguyên bị thiệt hại vô cùng nặng (với khoảng hơn 4 vạn quân sĩ bị loại khỏi vòng chiến), và nhiều tướng Nguyên trong đó có cả Ô Mã Nhi, Phạm Nhan và Phàn Tiếp cũng bị bắt sống và dâng lên Thượng hoàng Thánh Tông. Ngoài ra, có những 400 chiến thuyền của quân Nguyên

roi vào tay quân Trần thắng lớn.Đại thắng trên sông Bạch Đằng được xem là trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, và là thắng lợi tiêu biểu nhất của Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên-Mông.

Đại thắng này là một chiến quả của kế cắm cọc trên sông Bạch Đằng của Hưng Đạo Vương, mở đầu với việc quân sĩ của ông lừa được địch vào trận địa cọc nhân triều rút. Quân Nguyên vấp phải sự chiến đấu mãnh liệt của quân Thánh Dực dưới quyền Nguyễn Khoái (Bình chương Áo Lỗ Xích của Nguyên Mông bị bắt trong trận này), tiếp theo đó các vua Trần đem binh tới ác chiến, đập tan nát quân Nguyên. Tiếp theo đó, quân Trần mai phục hai bên cũng dũng vũ xông ra, tiếp tục diệt tan quân địch. Khi nước triều rút, quân Nguyên hoàn toàn lâm vào thảm họa.Với sự hoàn tất sứ mệnh phá hủy đoàn binh thuyền của Ô Mã Nhi, toàn thắng này dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của Đại Việt trong cuộc Chiến tranh Nguyên Mông- Đại Việt lần 3 và hoàn toàn phá tan âm mưu xâm chiếm Đại Việt của nhà Nguyên. Chiến tích vẻ vang này của Trần Hưng Đạo cùng với hai vị minh quân triều Trần đã lưu danh trong lịch sử Việt Nam, và là đề tài cho nhiều tác phẩm văn học Việt Nam thời Trung đại, dưới ngòi bút của các danh sĩ Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi, ..

Vào năm 1287, nhà Nguyên mở đầu cuộc xâm lược Đại Việt lần thứ ba, nhưng chỉ chiếm được kinh thành Thăng Long không một bóng người, và thủy quân Đại Việt do Phó tướng Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chỉ huy đã đánh tan nát đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ trong trận Vân Đồn.Trước tình hình bất lợi, quân Nguyên định tổ chức rút về Trung Quốc theo nhiều hướng khác nhau. Ngày 3 tháng 3 năm Mậu Tí (1288), Hữu thừa Trình Bằng Phi, Thiên tinh Đạt Mộc thống lĩnh kị binh đi đón các cánh quân di chuyển bằng đường thủy (đoàn thuyền của Trương Văn Hổ). Tuy nhiên khi qua chợ Đông-Hồ thì bị dòng sông chắn ngang, phải quay lại, nhưng cầu cống đã bị quân nhà Trần bám theo sau phá hủy. Quân Nguyên rơi vào thế nguy, trước mặt thì bị quân Trần chặn đường, sau lưng là chướng ngại thiên nhiên. Tuy nhiên quân Nguyên do tra hỏi những tù binh nên đã tìm được đường thoát, nửa đêm hôm đó cánh quân này đột phá vòng vây chạy trốn theo con đường khác, phối hợp với một cánh quân Nguyên đang rút lui để cùng nhau ra khỏi ải Nội Bàng. Tuy bị bất ngờ bởi sự thay đổi lộ trình của quân Nguyên, quân đội nhà Trần đuổi theo đánh rất sát vào cánh quân đoạn hậu. Tướng Nguyên là Vạn hộ Đáp Thứ Xích và Lưu Thế Anh phải dẫn quân quay trở lại phía sau đối phó với quân Trần, sau một trận giao chiến bất được

và giết các tướng Trần chỉ huy toán quân tập kích là các tướng Phạm Trù và Nguyễn Ki.

Ngày 7 tháng 3 năm 1288, cánh quân Mông Cổ rút bằng đường thủy đi tới Trúc Động, tại đây họ bị quân nhà Trần chặn đánh, nhưng tướng Nguyên là Lư Khuê chỉ huy quân này đánh lui quân nhà Trần và chiếm được 20 thuyền chiến.

Ngày 8 tháng 3 năm 1288, Ô Mã Nhi không cho quân rút về bằng đường biển mà đi theo sông Bạch Đằng, vì tính rằng đường biển đã bị thủy quân nhà Trần vây chặt thì phòng bị đường sông có thể sơ hở, hơn nữa sông Bạch Đằng nối liền với nội địa Trung Quốc bằng thủy lộ, thuận lợi cho việc rút lui.

Khi Ô Mã Nhi dẫn đoàn thuyền tiến vào sông Bạch Đằng nhân lúc nước lớn, thủy quân nhà Trần tràn ra giao chiến, rồi giả thua chạy vào sâu bên trong. Ô Mã Nhi trúng kế khích tướng nên thúc quân ra nghênh chiến, các tướng Phàn Tham Chính, Hoạch Phong cũng ra tiếp ứng. Khi thuyền quân Nguyên đã vào sâu bên trong sông Bạch Đằng, tướng Nguyễn Khoái dẫn các quân Thánh Dực ra khiêu chiến và nhử quân Nguyên tiến sâu vào khúc sông đã đóng cọc, trong khi quân Trần đợi cho thủy triều xuống mới quay thuyền lại và đánh thẳng vào đội hình địch. Binh chương Áo Lỗ Xích của Nguyên Mông đã bị bắt sống trong cuộc chiến đấu quyết liệt của quân Thánh Dực Thủy quân Đại Việt từ Hải Đông - Vân Trà từ các phía Điền Công, Gia Đức, sông Thái, sông Giá nhanh chóng tiến ra sông Bạch Đằng, với hàng trăm chiến thuyền cùng quân lính các lộ dàn ra trên sông và dựa vào Ghềnh Cốc thành một dải thuyền chặn đầu thuyền địch ngang trên sông. Trong lúc thủy chiến đang diễn ra dữ dội thì đoàn chiến thuyền của hai vua Trần đóng ở vùng Hiệp Sơn (Kinh Môn, Hải Dương) bên bờ sông Giáp (sông Kinh Thần, vùng Kinh Môn, Hải Dương) làm nhiệm vụ đánh cầm chừng và cản bước tiến của địch, cũng tấn công từ phía sau khiến quân Nguyên càng lúng túng và tổn thất rất nặng. Theo Đại Việt Sử ký Toàn thư, *"nước sông do vậy đổ ngầu cả"*. Bị bắt lợi hoàn toàn, rất nhiều thuyền chiến của quân Nguyên bị cháy rụi. Bị tấn công tới tấp trên sông, một số cánh quân Nguyên bỏ thuyền chạy lên bờ sông bên trái của Yên Hưng để tìm đường trốn thoát, nhưng vừa lên tới bờ họ lại rơi vào ổ phục kích của quân Trần, bị chặn đánh kịch liệt. Trờ về chiều khi giao tranh sắp kết thúc, Ô Mã Nhi cùng với binh lính dưới quyền chống cự tuyệt vọng trước sự tấn công của quân Trần, vì quân Nguyên của Thoát Hoan không tới cứu viện, nên đạo quân này hoàn toàn bị quân Trần tiêu diệt. Theo Nguyên sử, truyện của Phàn Tiếp chép rằng



kịch chiến xảy ra từ giờ mao đến giờ dậu, tức là từ sáng kéo dài đến chiều tối mới kết thúc. Nguyên Sử có chép về tướng Nguyên Phàn Tiếp: "Tiếp cùng Ô Mã Nhi đem quân thủy trở về, bị giặc đón chặn. Triều sông Bạch Đằng xuống, thuyền Tiếp mắc cạn. Thuyền giặc dồn về nhiều, tên bắn như mưa. Tiếp hết sức đánh từ giờ mao đến giờ dậu. Tiếp bị súng bắn, rớt xuống nước. Giặc móc lên bắt, dùng thuốc độc giết". Sông Bạch Đằng nước ròng, tức nước lớn rất nhanh mà nước rút cũng mạnh, nên khi nước rút thuyền của quân Nguyên bị cọc gỗ đâm trúng, lật đổ, quân Nguyên chết đuối hoặc bị giết vô số.

Quân nhà Trần đại thắng, bắt được hơn 400 chiến thuyền, tướng Đỗ Hành bắt được tướng Nguyên là Tích Lệ Cơ và Ô Mã Nhi dâng lên Thượng hoàng Trần Thánh Tông. Thượng hoàng đã vui vẻ hậu đãi những viên bại tướng này. Khoảng hơn 4 vạn tướng sĩ Nguyên Mông đã bị loại ra khỏi vòng chiến. Tướng Nguyên là Phàn Tiếp bị bắt sống, rồi bị bệnh chết, trong khi một bại tướng khác là Phạm Nhan thì đã bị Trần Quốc Tuấn cho trảm quyết. Cánh thủy quân của quân Nguyên hoàn toàn bị tiêu diệt. Chiến thắng vinh quang của quân Đại Việt trong trận sông Bạch Đằng năm 1288 được xem là một *trận đánh hủy diệt* và thủy chiến lớn nhất trong lịch sử kháng chiến của dân tộc Việt Nam, và cũng được xem là thắng lợi tiêu biểu nhất của quân Đại Việt trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên-Mông, dẫn đến chấm dứt thắng lợi cho Đại Việt trong cuộc Chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần thứ ba.

Mặc dầu về sau này, "Giao Chỉ" hãy còn "ngựa ngáy trong tim Hốt Tất Liệt", đại thắng của Quân đội Đại Việt trong trận sông Bạch Đằng không chỉ hoàn tất mục đích đập vỡ đoàn binh thuyền của Ô Mã Nhi, mà còn hoàn toàn phá vỡ âm mưu xâm lược Đại Việt, và qua đó Đế quốc Mông Cổ không thể nào làm chủ cả Đông Nam Á.

Chiến công trên sông Bạch Đằng vào năm 1288 của các vua Trần và Trần Quốc Tuấn, cùng với đại thắng của Ngô Quyền trong trận đánh tại đây thuở xưa, đã khiến cho dòng sông này trở nên gắn bó sâu sắc với lịch sử dân tộc Việt Nam. Có thể kể đến bài *Phú sông Bạch Đằng* của một môn khách của Hưng Đạo Đại Vương là Trương Hán Siêu được coi là một bản hùng văn trong lịch sử văn học Việt Nam. Qua tác phẩm này, Trương Hán Siêu đã ca ngợi công đức của hai vị minh quân Trần Thánh Tông cùng với Trần Nhân Tông ("*Nhị Thánh hệ tịnh minh, tựu thủ giang hệ tẩy giáp binh*" - dịch là : "*Hai vua thật anh minh, đến sông này dẹp đạo binh*"). và đề cao Hưng Đạo Đại Vương ("*Duy thủ giang nhi đại tiếp, do Đại Vương chi tặc nhàn*", dịch

nghĩa : *"Nghĩ có đại thắng trên sông này, do bởi Đại Vương [biết thế] giặc nhàn"*). Tác giả cũng nêu cao khí phách của Vương triều nhà Trần - "hào khí Đông A" - đại thắng hiển hách trong trận Bạch Đằng.

Vua Trần Minh Tông về sau cũng viết bài thơ "Bạch Đằng Giang", trong đó có đoạn :

*"Non sông này xưa nay đã hai lần mở mắt,"*

*"Cuộc hơn thua giữa Hồ và Việt thoáng qua như một lúc dựa vào lan can."*

*"Nước sông chan chứa rọi bóng mặt trời cuối ngày đỏ ối,"*

*"Còn ngỡ là máu chiến trường thuở trước chưa từng khô."*

Nguyễn Trãi - vị anh hùng dân tộc của Đại Việt dưới triều Hậu Lê, cũng có bài thơ "Bạch Đằng Hải Khẩu", trong đó có đoạn :

*"Ngạc đoạn kinh khoa sơn khúc khúc;"*

*"Qua tràm kích chiết ngạn tầng tầng."*

*"Quan hà bách nhị do thiên thiết ;"*

*"Hào kiệt công danh thử địa tảo"*

Dịch nghĩa :

*"Như cá sấu bị chặt, cá kình bị mổ, núi chia từng khúc một ;"*

*"Như mũi qua chìm, cây xích gãy, bên bờ lớp lớp chông".*

*"Quan hà hiểm hai người chống trăm người do trời xếp đặt ;"*

*"Hào kiệt lập công danh đất ấy từng là nơi."*

Cũng trong thời kỳ ấy, danh sĩ Nguyễn Mộng Tuân có bài "Hậu Bạch Đằng Giang Phú", ca ngợi toàn thắng này, với phần đầu ghi là : *"Ngắm sông Đằng bát ngát ; nhớ Hưng Đạo oai phong/Miền Hải Đông vang lừng nhờ có sông Đằng oanh liệt/Dòng họ Trần bất diệt nhờ có chiến công Bạch Đằng bất hủ vậy"*. Bài thơ ấy đã tôn vinh công đức của các vua Trần, cũng với biết bao vị kiệt tướng cùng với toàn dân đồng lòng chiến đấu, gây nên thảm họa Bạch Đằng cho quân xâm lược Nguyên Mông, đến mức mà : *"Tiếng thét vang trời, núi non tưởng chừng sạt đỉnh; thấy trôi đầy biển, tôm cá được dịp đầy nang!/Thế ta bưng bưng, trận Xích Bích nào sánh kịp; cảnh giặc hoảng loạn, gió Hoài, Phì nọ truyền sang!"*.

## **2.2. Tổng quan về một số di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng.**

### **A.Các di tích Quảng Yên – Yên Hưng- Quảng Ninh.**

#### **2.2.1 Đền Trần Hưng Đạo**

Đền Trần Hưng Đạo tên chữ là “đền Bạch Đằng” đền trước kia nằm ở Đồng Hậu, bên cạnh con sông Bạch Đằng thuộc làng Rừng xã An Hưng HUyện Yên Hưng phủ Đông Hải (phủ Hải Đông sau đổi thành trấn Quảng Yên rồi sau đổi thành tỉnh Quảng Yên). Đến 1934 đời vua Bảo Đại năm thứ 9 do ngôi đền xuống cấp trật hẹp, vị trí chưa thích nghi nên nhân dân trong xã đã chuyển ngôi đền đến dựng trên doi đất cổ nằm ở giữa ngã 3 sông Bạch Đằng, sông Giá và sông Đá Bạc, nơi trung tâm chiến trận Bạch Đằng 1288, nơi thấm máu quân dân nhà Trần và xác giặc Mông-Nguyên. Như vậy doi đất cổ là nguyên gốc di tích trên công trình tưởng niệm Trần Hưng Đạo, người anh hùng đã làm nên chiến thắng lẫy lừng lịch sử, chiến thắng chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Đền Trần Hưng Đạo dựng ngay bên sông Bạch Đằng nơi diễn ra trận chiến Bạch Đằng 1288. Trong bia đá “Bạch Đằng linh từ bí kí” có ghi : “Dựng ngôi đền ở nơi không chỉ có tín ngưỡng cầu sự linh thiêng mà mỗi lần nhìn dòng sông cuộn cuộn là nhớ thánh đức kia ngời ngời.”

Doi đất cổ có đền Trần Hưng Đạo nay thuộc xóm 6 xã Yên Giang huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh. Phía Tây giáp sông Bạch Đằng , phía đông là cánh đồng lúa, phía nam giáp đường 10, xa hơn ngôi đền nhìn thẳng ra bãi cọc Bạch Đằng thuộc xã Yên Giang cách chừng 3 km, phía bắc ngôi đền là phần còn lại của doi đất cổ.

Đền Trần Hưng Đạo thờ người anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn, người có công lớn trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên- Mông xâm lược.

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, ông sinh ngày 10 tháng 12 năm Mậu tý năm 1288, nguyên quán ở làng Tức Mạc huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Ông là con của An Sinh Vương Trần Liễu và bà Nguyệt, là cháu ruột của vua Trần Thái Tông. Ông vốn thông minh hơn người, diện mạo tuấn kiệt. Lúc mới sinh ra có thầy tướng xem nói rằng: “Người này sau có thể giúp nước cứu đời”. Ngay từ nhỏ ông đã được giáo dục và rèn luyện toàn diện nên đã sớm trở thành người “võ công văn trí”. Sinh thời ông là tôi trung, là con hiếu, là trung tâm đoàn kết của triều đình và quân đội, là người rất mực thương dân.

Về văn, Quốc Tuấn thấu hiểu mọi kinh nghĩa, văn thơ cổ kim, thông tuệ binh pháp. Ông đã soạn hai bộ binh thư: “Binh thư yếu lược” và “Vạn kiếp tổng bí truyền thư” để răn dạy các tướng cầm quân đánh giặc. Ông còn giáo dục họ và muôn dân bằng bài “Hịch Tướng Sĩ”. Bài hịch rất hùng hồn thông thiết khẳng định văn chương của một bậc tài bút.

Về võ, ông là nhà chiến lược, chiến thuật tài ba. Tư tưởng của ông là: nước Đại Việt ta nhỏ và yếu hơn nước Đại Nguyên của Mông Cổ. Vì vậy phải lấy ít đánh nhiều, lấy yếu chống mạnh, khi quân giặc mới đến thế chúng còn mạnh thì ta phải rút lui để bảo toàn lực lượng như cho chúng vào sâu và dàn mỏng lực lượng ra nhiều nơi chờ khi nào có điều kiện thuận lợi thì mới tấn công. Khi ta rút lui cũng phải chủ động khiến giặc đánh vào cũng không đánh được. Với chiến thuật “vườn không nhà trống”, “chiến tranh nhân dân”, ông đã cùng quân dân nhà Trần đã hai lần đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông vào năm 1285 và 1288. Đặc biệt chỉ trong một ngày mùng 8 tháng 3 năm Mậu Tý 1288 toàn bộ 600 chiến thuyền và hơn 4 vạn quân xâm lược Nguyên Mông đã bị quân và dân nhà Trần dưới sự lãnh đạo của Trần Quốc Tuấn tiêu diệt và bắt sống toàn bộ tạo nên một sự kiện lịch sử vĩ đại có tầm quan trọng và ý nghĩa lớn lao.

Ngày 20 tháng 8 Hưng Long thứ 8 Canh Tý 1300 Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn mất ở phủ đệ riêng của mình ở Vạn Kiếp. Theo lời ông dặn, thi hài ông được hỏa táng thu vào bình đồng chôn trong vườn An Lạc gần cánh rừng An Sinh, không xây lăng mộ mà đắp đất san phẳng trồng cây như cũ. Triều đình lập đền thờ ông ở Vạn Kiếp, Chí Linh, Hải Dương, ấp phong của ông lúc sinh thời.

Đền Trần Hưng Đạo được xây theo lối kiến trúc nhà Trần. Ngay từ ngoài quốc lộ vào đền chúng ta đã thấy một bức họa rất lớn được vẽ trên một bức tường lớn. Bức tranh vẽ lại khí thế của quân và dân ta trước trận đánh. Từ ngoài đi vào phải cổng tam quan, cổng chính chỉ để dành cho rước lễ, hai cổng bên là dành cho khách tham quan và nhân dân đi vào. Trên mỗi trụ là tường thành, bên trong tam quan là sân đền lát gạch đỏ mở ra một không gian thoáng đãng. Giữa sân đền là một lu hương bằng đá xanh to dùng để đốt tiền vàng, góc bên trái đền có nhà bia được xây dựng theo lối kiến trúc cổ rất đẹp là nơi để các bài văn bia.

Đền Trần Hưng Đạo được Nhà nước đầu tư tôn tạo theo dự án bảo tồn, tôn tạo cụm di tích Bạch Đằng. Đền được khởi công trùng tu, tôn tạo từ năm 1999 đến tháng 3 năm 2003 thì hoàn thành đền gồm: tiền đường, hậu đường, hậu cung.

Tiền đường là nơi khánh tiết hành lễ trình gồm 5 gian 2 chái, có kích thước dài 21m rộng 8,5m gồm 4 mái lợp ngói mũi hài có đầu đao góc mái. Toàn bộ các cấu kiện vì kèo và mái được làm bằng gỗ lim, lối kiến trúc cổ thời Nguyễn, bào trơn đóng bén. Gian giữa cửa tiền đường có bô bát cử cắm trên giá, hai bên tường có hai tấm bia, bên trong có đèn có chuông đồng cao 1m đúc năm 1988.

Hậu đường có kích thước dài 4m rộng 7,8m nối với Hậu cung dài 6,6m rộng 5,6m. Hậu đường cũng bao gồm bốn mái. Toàn bộ vì kèo và mái được làm bằng gỗ lim kiến trúc mang phong cách thời Nguyễn bào trơn đóng bén. Hậu đường một bên là thờ 4 người con trai của Trần Hưng Đạo, một bên thờ Đệ Nhất Khâm Từ Hoàng Thái Hậu Quyên Thanh Công Chúa (con gái thứ nhất vợ vua Trần Nhân Tông) và Đệ Nhất Nữ Đại Hoàng Anh Nguyên Quận Công Chúa (con gái thứ hai vợ Phạm Ngũ Lão).

Hậu cung đi sâu vào bên trong là nơi thờ Trần Hưng Đạo, hai bên tả hữu thờ quan văn và võ của Ngài. Bên trên có bức đại tự và câu đối ca ngợi công lao của Trần Hưng Đạo. Tất cả đều tôn thêm vẻ uy linh thành kính thâm nghiêm của ngôi đền.

Nơi đây thật là một báu vật quý giá còn giữ lại những nét đẹp truyền thống của thế hệ trước. Nó có giá trị về mặt khoa học, về nhân văn, đồng thời nó cũng phản ánh dấu ấn thời đại rõ nét.

Những giá trị văn hóa của đền Trần Hưng Đạo có ý nghĩa rất lớn đối với địa phương, vùng đất bởi nó vừa giáo dục cho nhân dân lòng yêu nước niềm tự hào dân tộc, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, giá trị vật chất cũng như giá trị tinh thần mà ông cha ta đã để lại. Mặt khác với giá trị lịch sử của mình đền Trần Hưng Đạo góp phần thu hút khách du lịch trong và ngoài nước thúc đẩy ngành kinh tế địa phương cũng như khu vực phát triển.

Di tích lịch sử văn hóa đền Trần Hưng Đạo được Đảng và chính phủ quan tâm từ rất sớm thể hiện chuyến thăm của các vị lãnh đạo Nhà nước như Chủ tịch nước Lê Đức Anh thăm đền vào tháng 4 năm 1994 và trồng cây đa lưu niệm; Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến thăm đền vào ngày 28 tháng 4 năm 1994 và trồng cây đa lưu niệm. Các vị lãnh đạo tỉnh như đồng chí Hồ Đức Việt Ủy viên trung Ương Đảng, Bí thư tỉnh Ủy Quảng Ninh về thăm đền vào 26 tháng 3 năm 1998 và trồng cây đa lưu niệm; đồng

chí Nguyễn Hồng Quân Bí thư tỉnh đoàn thanh niên tỉnh Quảng ninh về thăm và trồng cây đa lưu niệm vào năm 1993.

Đền Trần Hưng Đạo được Bộ văn hóa thông tin xếp hạng di tích lịch sử ngày 23 tháng 3 năm 1988, Quyết định số 191-1988/QĐ- BVHTT.

### **2.2.2. Đền Trung Cốc.**

Đền được xây dựng trên một gò đất cao giữa thôn Đồng Cốc xan Nam Hòa huyện Yên Hưng. Phía nam giáp dân cư thôn Đông Cốc; phía đông giáp với đồng lúa, Đồng Vạn Muối, đây là bãi cọc lớn thứ hai có quy mô lớn góp phần quan trọng làm nên chiến thắng Bạch Đằng năm 1288. Đền thờ hai vị anh hùng dân tộc chống giặc ngoại xâm ở thế kỷ XIII, đó là Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão. Đồng thời mảnh đất dựng đền cũng là nơi lưu niệm sự kiện vĩ đại trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

Đền Trung Cốc được xây dựng bên cạnh bãi cọc Vạn Muối là nguyên gốc di tích lưu niệm sự kiện trong dân gian nhân dân vùng đảo Hà Nam vẫn còn lưu truyền câu chuyện Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão dùng thuyền đi đôn đốc quân sĩ, dân binh cắm bãi cọc Yên Giang, bãi cọc Đồng Vạn Muối để làm thành một phòng tuyến bịt chặt hòng sông Bạch Đằng buộc thuyền chiến của giặc Nguyên phải dừng lại chiến đấu cho đến khi bị tiêu diệt và bắt sống toàn bộ. Một hôm Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão đi thuyền đến khu vực Đồng Vạn Muối để thị sát địa hình chuẩn bị trận địa cọc thì bị chặn thuyền ở gò đất thôn Đồng Cốc nhân dân bèn đến và kéo thuyền của hai ông ra khỏi chỗ mắc cạn. Sau chiến thắng Bạch Đằng nhân dân trong vùng bèn lập đền thờ hai ông gọi là đền Trung Cốc ngay trên gò đất hai ông bị mắc cạn.

Đền Trung Cốc có kiến trúc hình chữ J quay hướng Đông Nam gồm Bái đường, Hậu cung. Tại đây cũng diễn ra lễ hội Bạch Đằng vào ngày mùng 8 tháng 3 âm lịch.

Bái đường gồm 3 gian hai hồi xây bít đốc gồm có hai cái cột làm bằng bê tông, hai cột quân xây trụ bằng gạch. Trên câu đầu có các chữ công làm bằng gỗ để đỡ hoành. Chính giữa bái đường có một hương án làm bằng gỗ sơn son thiếp vàng, trên hương án là bát hương và mâm bồng. Hai bên bát hương có hai lộc bình làm bằng gỗ, phía trước hương án là một chiếc bàn gỗ dùng để đặt đồ cúng lễ. Ngoài ra hai bên còn có câu đối ngợi ca công lao to lớn của Trần Hưng Đạo. Gian bái đường dùng để tế lễ của mọi người dân và khách thập phương.

Hậu cung được xây dựng bằng gạch lợp ngói có hoành, rui, li tô bằng gỗ không có vì kèo. Trong hậu cung có tượng Trần Hưng Đạo và Phạm Ngũ Lão sơn son thiếp vàng và một đôi câu đối có từ lâu đời nhân dân ai ai cũng thuộc “phụ Trần lẫm liệt đan tâm tại; Sát thái uy danh xích kiếm tồn” (lòng son giúp nhà Trần công lớn còn đó; Tác kiếm giết giặc Nguyên uy danh còn đây). Ngoài ra còn có bồn đạo sắc của các triều vua ban cho.

Sắc phong của vua Gia Long tam niên cửu nguyệt sơ thập nhật (ngày 10 tháng 9 năm 1804) phong cho Hưng Đạo Đại Vương Thượng Đẳng Thần khai quốc an dân, hộ quốc bảo vệ dân, giao cho các xã:

Xã Vạn An huyện Nhưông Nhơn tỉnh Bắc Ninh.

Xã Dực Sơn huyện Chí Linh tỉnh Hải Dương.

Khu Đồng Cốc xã Phong Cốc tổng Hà Nam huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh.

Toàn dân của ba xã phụng sự.

Sắc sao của vua Tự Đức năm thứ 3 (1850) phong cho Phạm Ngũ Lão “Phạm điện sủy Thượng úy tướng quân thời Trần làm Thượng Đẳng linh phù tôn thần”.

Ngoài ra còn có sắc sao của vua Tự Đức và vua Duy Tân phong cho các con của Trần Hưng Đạo.

Đền Trung Cốc được Bộ văn hóa thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 310/QĐ- BVHTT, ngày 13 táng 2 năm 1996.

### **2.2.3. Đình Trung Bản.**

Đình Trung Bản thuộc xóm Thượng thôn Trung Bản xã Liên Hòa huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh. Năm 1288 đảo Hà Nam còn là một vùng đất mênh mông ở cửa sông Bạch Đằng, chỉ nổi lên một số đượng đất cao trên triều ở khu vực Hưng Học, Hải Yến, Phong Cốc, Trung Bản, Lưu Khê, Vị Dương, Vị Khê. Các đượng đất cao trên triều này là những nơi xảy ra trận đánh quyết liệt tiêu diệt quân Nguyên- Mông. Trong nhân dân ta ở đây vẫn còn lưu truyền câu ca dao:

*“Sông Bạch Đằng là nơi cửa ải  
Tổng Hà Nam là bãi chiến trường”.*

Theo truyền thuyết kể lại rằng sau khi chuẩn bị xong bãi cọc Yên Giang và bãi cọc Đồng Vạn Muối hợp với ghềnh Cốc và ghềnh Chanh (hai giải đá ngầm) tạo thành một phòng tuyến bịt chặt hòng sông Bạch Đằng. Trần Hưng Đạo đã cho quân sĩ mai phục trên các đượng đất cao, phía trên trận địa cọc nhằm tiêu diệt và bắt sống toàn bộ

quân giặc và không cho tên nào chạy thoát về nước. Ngày mùng 8 tháng 3 Mậu Tý 1288 giặc Nguyên- Mông vừa đến khu vực, núi Tràng Kênh Trần Hưng Đạo cho thuyền nhỏ khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy, khi nước triều rút giải đá ngầm và trận địa cọc có tác dụng dâng lên đốt lửa làm hiệu cho quân sĩ mai phục hai bên dòng sông nhất loạt tiến công. Trận đánh quyết liệt diễn ra từ Tràng Kênh đến Trung Bản, trong khói lửa mịt mù Trần Hưng Đạo cười ròn to lớn trên gò đất Trung Bản, đốc thúc quân sĩ tiêu diệt quân giặc, mãi mê đánh trận tóc của ông sổ ra Trần Hưng Đạo bèn xuống ngựa chống kiếm buộc lại tóc. Chiến trận Bạch Đằng thắng trận những người dân chài lưới quanh vùng bèn lập đền thờ ông ngay trên gò đất, ngôi đền đó sau này được dân làng lập thành đình Trung Bản.

Đình Trung Bản nằm trên gò đất cao nhất của làng Trung Bản. Đình quay về hướng Tây Nam. Phía Bắc giáp ruộng lúa, phía Đông là khu dân cư. Bộ cục đình theo kiểu chuôi vồ gồm các hạng mục sân đình, đình ngoài (tiền đường), đình trong và hậu cung. Không gian đình tương đối rộng, công được xây theo kiểu tam quan. Một cổng chính to và hai cổng phụ hai bên, bước qua cổng là tới sân đình. Sân đình lát gạch, xung quanh có hệ thống tường bao quanh mới được xây.

Tiền đường (đình ngoài) kiến trúc kiểu năm gian kiểu hai thò ba thụt. Vì kèo cấu trúc theo kiểu tròng rường gồm bốn hàng cột thượng thu hạ khác. Hệ thống cột khá lớn đầu bẩy được trạm khắc các hình rồng cá. Tại gian giữa và gian trái, phải có ba bức đại tự sơn thiếp vàng và chạm khắc ở các cột của gian thờ giữa được bố trí ba cặp câu đối.

Chính giữa tiền đường có một án gian (bàn thờ tự) sơn son thiếp vàng và chạm khắc tinh xảo. Sau án gian là một bệ xây được sử dụng làm nơi để đồ thờ tự, hồi trái đình có hai bia thờ Hồng Đức về vụ chia ruộng đất của triều đình cho nhân dân trong vùng.

Tiếp theo là đình trong hay còn gọi là đại đình. Đình trong cách đình ngoài một số bậc. Cấu trúc kiểu tròng rường với bốn hàng cột thượng thu hạ khác, các con rường đều chạm các chi tiết đơn giản hơn đình ngoài. Gian giữa đình có một bức đại tự sơn son thiếp vàng. Khu vực giữa đình bố trí án gian được sơn son thiếp vàng, chạm khắc rất đẹp với hai lục bình sứ cổ và hai lọ bình gỗ sơn. Sau án gian là sập thờ cũng được sơn son thiếp vàng và chạm khắc bên trên để các đồ thờ bằng gỗ. Hai bên giữa có hai án gian sơn son thiếp vàng cùng kích thước, phía bên phải đại đình là bia công đức



khắc vào thời Quang Trung kích thước khá to dùng để ghi chép lại sự đóng góp của dân làng vào việc cải tạo xây dựng đình.

Cuối cùng là hậu cung ở đằng sau đình, cấu trúc một gian hai vì kèo theo kiểu chông rường có chạm khắc. Hậu cung có hai bức đại tự sơn son thiếp vàng bố trí trong và đầu nhà. Đồ thờ của hậu cung cũng được phân bố gồm: Phía ngoài kiệu bát cống (thời Hậu Lê) sơn son thiếp vàng chạm khắc hình rồng. Trên kiệu là sập có từ thời Hậu Lê được chạm khắc rất tỉ mỉ với các hoa văn lá cây hình rồng. Hậu cung còn có hai kiếm gỗ, bát hương được sơn son thiếp vàng, mâm thờ, quạt thờ, chuông đồng... Ở gian chính giữa, thờ tượng Trần Hưng Đạo, tượng bằng gỗ cao khoảng 1,1m, tư thế ngồi trong ngai, sơn son thiếp vàng rực rỡ. Mặt tượng quát thước, trầm tĩnh, nhân hậu mang đậm ắc thái Quốc Công Tiết Chế Hưng Đạo Vương. Một tay tượng chống kiếm tay kia đặt lên ngang đùi, như muốn tái hiện lại hình ảnh Trần Hưng Đạo chống kiếm, búi tóc năm xưa. Tạc Trần Hưng Đạo trong tư thế ngồi, mặc áo bào thêu rồng, phượng, đầu đội mũ cánh chuồn là những trang phục do vua ban, nét mặt bình thản mà nghiêm nghị, oai phong mà hiền từ. Niên đại của tượng là thế kỉ XIX. Theo nhiều nhà nghiên cứu nghệ thuật cho rằng tượng Trần Hưng Đạo thờ ở đình Trung Bản là pho tượng đẹp, có hồn hơn cả trong những pho tượng tạc về ông thờ ở các đình, chùa, đền. Điều đặc biệt là pho tượng được thể hiện gắn liền với câu chuyện chống kiếm búi tóc của Trần Hưng Đạo khi xưa, đó là phía sau tượng có cả mái tóc dài tới gần hông, còn trong lòng bàn tay phải là chiếc trâm cài tóc như thể Ngài đang chuẩn bị búi lại tóc. Chi tiết đó làm cho câu chuyện dân gian xưa như gần gũi với hiện thực, làm cho cái “thần” của tượng như rõ hơn. Ngoài ra còn phải kể đến chiếc ngai đặt tượng cũng là một tác phẩm nghệ thuật đẹp: Đầu tay ngai, song ngai chạm rồng, hoa lá cách điệu, mây lửa. Tất cả đều được sơn son thiếp vàng và vẫn còn như nguyên vẹn.

Ngay phía trước tượng Trần Hưng Đạo là một tác phẩm nghệ thuật đáng chú ý khác, đó là chiếc kiệu bát cống (chuyên dùng cho việc rước tượng, bài vị thần). So với các hiện vật cùng loại trong số các di tích ở Yên Hưng hiện nay thì đây là chiếc kiệu khá lớn. Phần trên của kiệu có hình chữ nhật, giống như một chiếc sập tinh xảo. Đòn khiêng kiệu được thiết kế cho 8 người khiêng (kiệu bát cống), hai đòn dọc phía trước trang trí hình đầu rồng, phía sau là đuôi rồng, 8 đầu đòn ngang là phần đặt lên vai cũng đều được chạm hình đầu rồng. Điều đáng chú ý là những chiếc kiệu thời Lê như thế này không còn lưu giữ lại được nhiều trong các di tích trên địa bàn tỉnh, hơn nữa lại

còn khá nguyên vẹn, dù trải qua bao thời gian, chiến tranh và sự xâm hại của thiên nhiên.

Cũng có niên đại thời Lê như kiệu bát cống và độc đáo không nơi nào có ngoài đình Trung Bản, đó là chiếc quán tẩy. Đây là vật chuyên dùng đựng nước phép để các chủ tế rửa tay, như một sự gột sạch bụi bấn trước khi tế thần. Chiếc quán tẩy làm bằng gỗ, cao khoảng 1,4m, trông gần giống với cây đèn nến, dọc thân được chạm trổ hình rồng, hoa lá theo lối kình bong, ở đoạn gần giữa quán tẩy có gắn chiếc đĩa gỗ nhỏ dùng để đựng nước phép cho chủ tế. Toàn bộ quán tẩy được sơn son thiếp vàng và vẫn còn gần như nguyên vẹn. Ngoài các hiện vật giá trị trên, đình Trung Bản còn lưu giữ lại được gần chục sắc phong, chủ yếu là của các vua nhà Nguyễn phong thần cho Trần Hưng Đạo là Thành hoàng của làng Trung Bản.

Trong đình Trung Bản có một số câu đối, hoành phi nói về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 vang dội và công lao của triều đại nhà Trần. Một trong những câu đối như sau:

*“Đằng thủy thực thung vạn thế phong công thủy vũ trụ  
Dược sơn minh kiếm thiên thu chính khí thượng luân cao”.*

Dịch là:

*“Sông Bạch Đằng đóng cọc, muôn thuở công to cùng vũ trụ  
Núi Dược Sơn kiếm vang, năm chính khí vẫn tôn thờ.”*

Đáng chú ý là trong đình Trung Bản còn giữ được hai tấm bia đá dựng năm Hồng Đức thứ 26 tức ngày 15- 3- 1495. Bia cao 0,6m, rộng 0,39m, dày 0,14m, chữ khắc trên 3 mặt. Người chủ trì dựng hai tấm bia này là hai ông Hoàng Nông, Hoàng Nênh, những người trong số các Tiên Công đến khai phá vùng Hà Nam buổi đầu tiên. Nội dung của bia như sau: Triều đình nhà Lê (thời Hồng Đức) ban sắc chỉ ngày 10- 3- 1471 sai các quan Nguyễn Huy Diệu, giám sát ngự sử đạo Tam Giang, Nguyễn Tông Quý, Cẩm y vệ hiệu úy, đến xứ Bản Động (tức Trung Bản, xã Phong Lưu, huyện An Hưng, phủ Hải Đông, đạo An Bang) cùng các quan thừa ty kiểm tra phá ruộng đất ở xứ này trên diện tích 4.020 mẫu 5 sào 10 thước 2 tấc nằm trong đê, đều do các công Hoàng Nông, Hoàng Nênh xa Phong Lưu; Hoàng Kim Bảng, Đồng Đức Hân xã Vị Dương; Đỗ Độ, Đào Bá Lệ xã Lương Quy, khai phá đất mặn mà thành. Vì thế chuẩn cấp cho xã Vị Dương hơn 1.343 mẫu, cấp cho xã Phong Lưu hơn 1.599 mẫu, cấp cho xã Lương Quy hơn 1.817 mẫu, có quy định rõ vị trí ruộng kèm theo số người, độ dài

đề nằm trên ruộng đất đã cấp cho các Tiên Công trên. Đình Trung Bản thờ Thành Hoàng làng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, vị Tổng chỉ huy đã lập nên đại thắng Bạch Đằng lừng lẫy, lại lưu giữ tấm bia đá cổ nói về việc khai khẩn và chia ruộng đất của các Tiên Công dưới thời vua Lê Thánh Tông, như là một biểu tượng đẹp của tổ tiên về sự kết hợp khăng khít giữa công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, một bài học lịch sử nhưng mãi mãi có tính thời sự.

Ngoài ra đình còn lưu giữ được một hòm sắt, trong đó có 6 đạo sắc phong của các triều vua ban cho:

Thiệu Trị lục niên bát nguyệt thập tam nhật

Thiệu Trị lục niên cửu nguyệt thập tứ nhật

Tự Đức tam niên thập nhất nguyệt tam nhật

Tự Đức thập tam niên thập nhất nguyệt nhị thập tứ nhật

Đồng Khánh nhị niên thất nguyệt sơ nhất nhật

Duy Tân tám niên bát nguyệt thập nhất nhật.

Cả 6 đạo sắc phong đều có nội dung: Quảng Yên tỉnh, Yên Hưng huyện, Phong Lưu xã, Trung Bản thôn. Sắc phong: *Trí trung đại nghĩa phong huân vị hiệu linh tác vĩ Hưng Đạo Thượng Đẳng Thần.*

Trải qua thời gian đình được tu sửa xây dựng lại nhiều lần nhưng nhìn chung vẫn giữ nguyên gốc. Tuy nhiên kiểu cấu trúc vẫn biến đổi cơ bản, pha tạp nhiều phong cách.

Đình có giá trị như một di tích lưu niệm danh nhân của dân tộc lưu niệm sự chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 và di tích gốc về lịch sử của các công trình kiến trúc trước đây.

Đình Trung Bản đã được Bộ văn hóa thông tin công nhận xếp hạng là di tích lịch sử theo quyết định số 1548/QĐ 30/8/1991.

#### **2.2.4. Đình Yên Giang**

Đình Yên Giang nằm trên một gò đất cao, rộng 918m<sup>2</sup>, ở trung tâm xã Yên Giang, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh.

Theo gia phả của các dòng họ ở Yên Giang và lưu truyền trong nhân dân thì đình Yên Giang thờ Thành Hoàng làng là Trần Hưng Đạo.

Vào ngày sinh, ngày hóa của Trần Hưng Đạo, ngày giỗ trận Bạch Đằng mùng 8 tháng 3 âm lịch hàng năm và ngày lễ hội Đại kỳ phước dân làng rước tượng Trần Hưng Đạo từ Đền Trần Hưng Đạo về Đình Yên Giang để tế lễ, cầu xin Thành hoàng che chở cho dân làng. Ngoài những ngày lễ trên, vào các dịp trong làng có việc hội họp tế lễ, dân làng cũng tụ họp ở Đình làng rất đông, thể hiện một nếp sống văn hóa truyền thống của người dân vùng cửa Sông Bạch Đằng.

Đình Yên Giang được xây dựng thế kỷ 16 nhưng đã trải qua nhiều lần trùng tu xây dựng năm 1952; năm 1993 được xây dựng lại như ngày nay. Tuy nhiên qua nhiều lần trùng tu nhưng đình Yên Giang vẫn giữ được nét kiến trúc cổ vốn có của nó.

Đình có kiến trúc kiểu chữ “Đình”, gồm 5 gian tiền đường, 3 gian bái đường, 1 gian hậu cung và một số kiến trúc phụ khác, diện tích công trình là 186m<sup>2</sup>. Kiến trúc đơn giản nhưng bề thế, vững chắc. Đình Yên Giang đến nay vẫn còn lưu giữ được nhiều di vật cổ: Bia đá, đồ tế khí và 6 đạo sắc phong của các triều vua phong cho Trần Hưng Đạo.

Cùng với Bãi cọc Bạch Đằng, Đền Trần Hưng Đạo, Miếu Vua Bà, Hai cây lim Giếng Rừng, Đình Đền Công, Đình Trung Bản, Đền Trung Cốc, Đình Yên Giang đã góp phần làm phong phú Cụm di tích Bạch Đằng, gắn liền với vị anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn và có tác dụng giáo dục truyền thống sâu sắc đối với các thế hệ con cháu đời sau.

Lễ hội Đình Yên Giang cũng là ngày hội tung bồng của nhân dân vùng cửa Sông Bạch Đằng và du khách thập phương vào ngày mùng 8 tháng 3 âm lịch hàng năm, ngày kỷ niệm chiến thắng Bạch Đằng – 1288.

Ngoài ngày lễ trọng đại trên, Đình Yên Giang còn tổ chức những ngày lễ khác, như ngày mất của Trần Hưng Đạo ngày 20 tháng 8 âm lịch năm 1300, lễ Đại kỳ phước vào các ngày 24, 25, 26 tháng 11 hàng năm. Đây là dịp lễ tạ ơn Thành hoàng, Thổ địa đã ban phước cho đồn điền “phong đăng hòa cốc”, mừng vụ mùa bội thu.

Đình Yên Giang đã được Bộ Văn hóa thông tin xếp hạng là Di tích lịch sử Quốc gia, bổ sung cho Cụm di tích Bạch Đằng theo Quyết định số 310/QĐ- BT, ngày 13/2/1996. Năm 2012 được xếp vào cụm di tích Bạch Đằng- di tích quốc gia đặc biệt.

## **2.2.5 Các di tích liên quan**

### **2.2.5.1. Bến Đò Rừng.**

Bến Đò Rừng, tên thường gọi là Bến Rừng nằm ở trước cửa di tích Miếu Vua Bà, cạnh di tích Đền Trần Hưng Đạo thuộc Cụm di tích Chiến thắng Bạch Đằng 1288. Từ thời Lý- Trần đến trước năm 1960 Bến Đò Rừng là nơi đưa khách qua Sông Bạch Đằng.

Sông Bạch Đằng còn có tên gọi là Sông Vân Cù (Sông Rừng). Bến Đò Rừng mang tên gọi của dòng sông . Năm 1960 Bến Đò Rừng được xây dựng quy mô thành Bến Phà Rừng ở địa điểm mới cách Bến Đò Cỏ khoảng 1km về phía Nam để đáp ứng phục vụ khách qua Sông Bạch Đằng.

Di tích Bến Đò Rừng (Bến Rừng) là nơi lưu niệm một sự kiện vĩ đại trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta: “Chiến thắng Bạch Đằng 1288”. Bến Đò Rừng cổ là nơi Trần Hưng Đạo chọn để đốt lửa làm hiệu lệnh cho quân sỹ trên một chiến trường rộng lớn nhất loạt tiến công địch. Bến Đò Rừng còn là nơi có Bà hàng nước- người đã cung cấp cho Trần Hưng Đạo lịch con nước triều, địa thế lòng sông để tổ chức trận địa cọc Bạch Đằng và kế hỏa công làm nên Chiến thắng Bạch Đằng- 1288. Bến Đò Rừng xưa kia nằm trên một doi đất cổ hình tay áo từ Trại An Hưng chạy ra giữa dòng Sông Bạch Đằng, nơi đây là trung tâm chiến trường của Đại thắng Bạch Đằng- 1288 là nguyên gốc di tích. Bến Đò Rừng đang được Sở VH TT Quảng Ninh lập hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn Hóa Thông tin xếp hạng di tích Quốc gia bổ sung vào Cụm di tích lịch sử Chiến thắng Bạch Đằng.

### **2.2.5.2. Hai Cây Lim Giếng Rừng.**

Thị trấn Quảng Yên xưa kia là một vùng đất cổ gắn liền với những địa danh còn lưu lại đến ngày nay như: Sông Rừng, Chợ Rừng, Bến Rừng và những cánh rừng đại ngàn cổ thụ.

Năm 1287- 1288, giặc Mông- Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ 3. Để chuẩn bị cho chiến trận Bạch Đằng năm 1288, Trần Quốc Tuấn đã cho quân vào những cánh rừng ven cửa Sông Bạch Đằng đẵn gỗ, xây dựng trận địa cọc vớ hàng ngàn cọc gỗ cắm xuống lòng Sông Bạch Đằng, như quân giặc vào thế trận. Khi nước thủy triều xuống, những cọc gỗ nhô cao tạo thành một phòng tuyến không cho thuyền giặc chạy thoát. Quân ta mai phục từ các nhánh sông lao ra tiến công tiêu diệt và bắt sống hàng trăm chiến thuyền của giặc.

Trải qua hơn 700 năm, những cánh rừng xưa không còn nữa. Duy chỉ còn hai cây lim cổ thụ cạnh Giếng Rừng là dấu ấn minh chứng cho một vùng đất cổ có cánh rừng lim mà Trần Quốc Tuấn cho quân sỹ chặt làm trận địa cọc nổi tiếng trong lịch sử.

Hai Cây Lim Giếng Rừng nằm trên một khu đất rộng 1300m<sup>2</sup>, trong đó có hai giếng nước (gọi là Giếng Rừng). Hai cây lim cao khoảng 35m, tán rộng 30m, một cây có chu vi gốc 5,5m, thân chính cao 6m; cây thứ hai có chu vi 7,2m, thân chính cao gần 7m. Thuộc địa phận phố Đoàn Kết, thị trấn Quảng Yên.

Mặc cho thời gian và khí hậu khắc nghiệt nhưng cây vẫn xanh tươi, như một tượng đài chiến thắng giản dị, đơn sơ và đầy sinh lực.

Hai Cây Lim Giếng Rừng đã được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích lịch sử Quốc gia, bổ sung cho Cụm di tích Bạch Đằng theo Quyết định số 191 VH/QĐ, ngày 2/3/1988.

#### 2.2.5.3. Bãi cọc Bạch Đằng.

Từ khi bãi cọc đầm nước xã Yên Giang được phát hiện và nghiên cứu, người ta quen gọi luôn là “Bãi cọc Bạch Đằng”.

Bãi cọc có hình chữ nhật dài khoảng 120m, chiều rộng khoảng 30m, nằm theo hướng Đông - Đông Bắc, Tây - Tây Nam. Cách thị trấn Quảng Yên khoảng 2000m, nằm sát bờ đê sông Chanh trong khu vực đầm nước xã Yên Giang vì vậy nhân dân địa phương còn gọi khu vực này là đầm Nhữ. Đa số các nhà nghiên cứu đều nhận định bãi cọc Yên Giang là một phần của trận địa cọc trên sông Bạch Đằng lúc bấy giờ do Trần Hưng Đạo xây dựng để tham gia vào trận chiến Bạch Đằng năm 1288, đây là nửa phía Bắc của trận địa cọc, còn nửa phía Nam là bãi cọc Đồng Vạn Muối. Giữa hai bãi cọc Yên Giang và Đồng Vạn Muối là dòng sông Chanh ngày nay, ở giữa có một dải cồn đá cao khi nước triều xuống thuyền không qua được buộc phải đi vào sát bờ mới xuôi ngược dòng được vì vậy Trần Quốc Tuấn đã chọn vị trí cắm cọc ở hai bên cồn đá, nơi các thuyền bè buộc phải đi qua tạo thành một phòng tuyến hình chữ V bịt chặt lấy hòng sông Bạch Đằng để chặn đường rút lui của quân địch tạo nên chiến thắng vẻ vang của trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288.

Ngày mùng 7 tháng 3 năm Mậu Tý 1288 đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi rút đến khu vực kinh môn vào sông Đá Bạc và sông Giá, Trần Hưng Đạo cho quân mai phục hai bên bờ chặn đánh làm giảm sự rút quân của giặc sao cho chúng đến sông Bạch Đằng vào lúc nước triều xuống thấp để phát huy tác dụng của trận địa cọc. Ngày

mùng 8 tháng 3 âm lịch năm 1288, đoàn thuyền chiến của Ô Mã Nhi tới sông Bạch Đằng, thuyền giặc tới khu vực Tràng Kênh. Trần Hưng Đạo đốt lửa làm hiệu lệnh, quân sỹ hai bên bờ lao ra, vua Trần dẫn quân tiếp ứng làm địch không kịp trở tay. Thuyền giặc bỏ chạy gặp các bãi cọc gỗ và ghènh đá ngang qua sông Bạch Đằng nhô lên chặn lại, thuyền giặc dồn lại, bốc cháy. Giặc Nguyên chết đuối không kể xiết, nước sông đến nổi đỏ ngầu. Ta bắt được 400 chiến thuyền; bắt sống Ô Mã Nhi, Phạm Nhan, Tích Lệ Cơ Ngọc, Phàn Tiếp. Bãi cọc Bạch Đằng (bãi cọc Yên Giang) đã góp một phần quan trọng tạo nên chiến thắng vẻ vang của trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288.

## **B. Các di tích tại Thủy Nguyên –Hải Phòng**

### ***2.2.6. Tràng kênh- Đền Trần Hưng Đạo.***

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, vùng đất này được coi là một phen dầu chống giặc ngoại xâm. Dấu ấn lịch sử để lại đến nay cho biết, Tràng Kênh là một trận địa quan trọng trong trận thủy chiến Bạch Đằng năm 1288 do Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo chỉ huy, đánh tan đội quân xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII. Với các địa danh đã đi vào sử sách dân tộc như núi U Bò, Hoàng Tôn, Phụng Hoàng hay cửa Bạch Đằng, nơi hợp lưu của 3 con sông đổ về, cùng các dấu tích về những trận địa cọc hay những địa danh như Áng Hồ, Áng Lác cho biết vùng đất này đã ghi dấu về một chiến trường do quân và dân triều Trần bày trận đón đánh quân thù. Ngày nay dưới chân núi Hoàng Tôn trong hệ thống núi đồi ở Tràng Kênh còn ngôi đền thờ một vị tướng của vương triều Trần. Đó là đền thờ Trần Quốc Bảo. Ông thuộc tôn thất nhà Trần có công trong trận Bạch Đằng năm 1288, khi mất được nhân dân địa phương lập đền thờ. Theo nội dung tấm bia dựng vào niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 8 (1626) đời vua Lê Thần Tông, ngôi đền được xây dựng ở nơi có thắng cảnh đẹp vào hạng thứ nhất của xứ Hải Dương.

Tràng Kênh - Bạch Đằng, một địa danh lịch sử từ lâu đã đi vào tiềm thức của người dân thành phố Hải Phòng như một ký ức không thể nào quên về một chiến công vĩ đại chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta cách đây trên 7 thế kỷ. Cùng với nhiều di sản mang những nội dung lịch sử văn hóa có giá trị, Tràng Kênh - vùng đất thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh năm 1962.

Đền Trần Hưng Đạo nằm trong cụm di tích Tràng Kênh tại thị trấn Minh Đức huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Được xây dựng vào năm 2009 do công ty Xi măng Hải Phòng xây dựng và quản lý. Đền Trần Hưng Đạo được xây dựng tại núi Tràng Kênh, nơi năm xưa diễn ra trận đánh của quân dân nhà Trần chống quân Nguyên- Mông. Và nổi lên với chiến thắng lừng lẫy của dân tộc Việt đó là trận Bạch Đằng năm 1288 do Trần Hưng Đạo chỉ huy.

Đền Trần Hưng Đạo thờ người anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn, người có công lớn trong hai lần kháng chiến chống quân Nguyên- Mông xâm lược.

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, ông sinh ngày 10 tháng 12 năm Mậu tý năm 1288, nguyên quán ở làng Tức Mạc huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Ông là con của An Sinh Vương Trần Liễu và bà Nguyệt, là cháu ruột của vua Trần Thái Tông. Ông vốn thông minh hơn người, diên mạo tuấn kiệt. Lúc mới sinh ra có thầy tướng xem nói rằng: “Người này sau có thể giúp nước cứu đời”. Ngay từ nhỏ ông đã được giáo dục và rèn luyện toàn diện nên đã sớm trở thành người “võ công văn trí”. Sinh thời ông là tôi trung, là con hiếu, là trung tâm đoàn kết của triều đình và quân đội, là người rất mực thương dân.

Đền Trần Hưng Đạo nằm trong quần thể di tích núi Tràng Kênh, bao gồm đền thờ vua Lê Đại Hành, đền thờ Đức Vương Ngô quyền, và đền thờ Trần Hưng Đạo. Đền Trần Hưng Đạo nằm trong khuôn viên hài hòa, phong thủy hữu tình lưng tựa núi Tràng Kênh mặt nhìn sông Bạch Đằng. Đình có kiến trúc kiểu chữ “Đình”, gồm 5 gian tiền đường, 3 gian bái đường, 1 gian hậu cung và một số kiến trúc phụ khác. Cột kèo và cửa đều được tạc từ gỗ lim với trạm trổ tinh xảo mang phong cách thời Trần, ở gian chính giữa có hoành phi và câu đối sơn son thếp vàng, trên điện thờ có tượng của 4 con trai và 1 con rể của Trần Hưng Đạo là : Trần Quốc Hiến, Trần Quốc Nghiễn, Trần Quốc Tảng, Trần Quốc Úy và Phạm Ngũ Lão. Năm bức tượng cao 1m 2 đều được sơn son thếp vàng, thần thái uy nghi, hai bên là ban thờ quan văn và quan võ. Bên trong là hậu cung nơi thờ Trần Hưng Đạo, phụ thân phụ mẫu và 2 cô con gái. Trần Hưng Đạo được đặt ở giữa với thần thái uy nghi thể hiện phong thái của 1 vị tướng tài 1 đức thánh được nhân dân ca ngợi. Toàn bộ hệ thống tường bao , cổng tam quan, móng đền đều được tạc từ đá xanh nguyên khối trạm trổ tinh xảo. Ở bên ngoài cổng tam quan là



2 cây đa do thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trồng trong 1 lần về thăm đền năm 2011. Trước mặt cổng đền là bến nước có trạm trở rồng hai bên.

### **2.2.7. Cùm di tích Liên Khê**

Nơi đây còn lưu truyền nhiều câu chuyện, huyền tích lịch sử đầy thú vị cách đây hơn 700 năm, kể từ khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn lấy Trúc Động (tên cũ của Liên Khê) làm căn cứ để tiến ra cửa sông Bạch Đằng, sông Chanh tiêu diệt và bắt sống đạo thủy binh của đế quốc Nguyên Mông, viết lên một trang sử hào hùng của dân tộc.

Liên Khê xưa kia thuộc tổng Trúc Động, huyện Thủy Đường phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương. Liên Khê là vùng đất phù sa có lịch sử lâu đời, nằm trên mạch núi già của vòng cung Đông Triều. Con người đến sinh cơ lập nghiệp tại mảnh đất này từ rất sớm. Những hiện vật khảo cổ học tìm thấy dưới lòng đất Liên Khê gồm đồ gốm và đồ đá mách bảo về một nền văn minh cách đây trên 2000 năm. Thư tịch cổ cho thấy vào những năm tháng đầu công nguyên, nhân dân Liên Khê dưới sự lãnh đạo của ba anh em họ Trương, người trang Thiêm Khê đã kéo về Mê Linh (Vĩnh Phúc) theo Hai Bà Trưng đánh đuổi quân Đông Hán.

Ba mặt của Liên Khê được bao bọc bởi sông Đá Bạc, sông Giá (tên cổ là Đô Lý), phía đông bắc có tám dãy núi đá cao nằm sát sông Đá Bạc, tạo thành tấm bình phong thiên nhiên kỳ vĩ. Mười quả núi đất liền nhau chạy dọc theo chiều dài của xã là chỗ dựa cho các ngôi nhà và vườn đồi bậc thang qui tụ thành những xóm thôn trù mật. Lịch sử đã đi qua mảnh đất này và để lại những nét son oanh liệt.

Không những đẹp về cảnh, có lịch sử lâu đời, Liên Khê còn có vị trí chiến lược quan trọng. Các triều đại nhà Trần, nhà Mạc, nhà Nguyễn và thời Pháp thuộc đều nhận thấy điều đó và đặt đồn lũy ở đây.

Lịch sử kể rằng, trước nguy cơ bị quân dân Đại Việt tiêu diệt, Thoát Hoan viên tướng cầm đầu đạo quân viễn chinh Nguyên Mông phải tìm cách rút quân về nước. Quân Nguyên Mông chia làm hai đạo rút binh, cánh quân bộ do Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy chạy theo đường Lạng Sơn, cánh quân thủy do Ô Mã Nhi cầm đầu tháo lui theo đường cửa sông Bạch Đằng. Do vị trí hiểm yếu nên Liên Khê được chọn là trận địa chốt giữ, đánh chặn không cho thuyền giặc lọt vào sông Giá. Tương truyền trận đánh này trực tiếp do Trần Quốc Tuấn chỉ huy. Ngày mồng 7 tháng 3 âm lịch (tức ngày 8-4-1288), đoàn chiến thuyền của Ô Mã Nhi sau nhiều ngày đánh nhau liên tục với phục

binh ta trên nhiều tuyến đường, mệt mỏi rẽ vào sông Giá để ra sông Bạch Đằng liền bị quân ta chặn đánh kịch liệt, buộc phải quay thuyền tháo lui theo đường sông Đá Bạc. Để ghi lại chiến thắng Trục Động (tên cũ của Liên Khê) và nhớ ơn vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo, người trực tiếp chỉ huy trận Trục Động - Bạch Đằng, nhân dân địa phương đã xây một ngôi đền thờ ông trên nền đại bản doanh xưa. Đó là đền Thụ Khê (còn gọi là Từ Thụ). Cảnh đền thờ Trần Quốc Tuấn có ngọn núi Từ Thụ cao vút là nơi quốc công truyền lại cho dân làng thanh gươm báu và kế sách chống giặc.

### 2.2.7.1. Đền thụ Khê

Tên gọi là một di tích tưởng niệm của nhân dân địa phương đối với vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo. Trên chặng đường đánh giặc Hưng Đạo Đại Vương và đoàn tùy tùng đã phóng ngựa lên dãy núi đồi làng Thụ Khê để quan sát địa hình, bố trí trận địa mai phục trên sông Giá. Sau thắng lợi phá tan giặc trên sông Bạch Đằng, nhân dân lập đền thờ Ông. Do vậy di tích được mang chính tên địa phương đã sản sinh ra công trình và nơi hàm chứa những sự kiện lịch sử ấy để ghi lại chiến thắng Trục Động. Đền trước của trận đại thắng Bạch Đằng năm 1288. Nhớ ơn người trực tiếp chỉ huy trận chiến lịch sử, dân làng tiếp tục xây ngôi đền tại quê hương tôn thờ Trần Hưng Đạo làm Thành Hoàng, lấy ngày 20/8 âm lịch hàng năm làm ngày lễ lớn rước đức thánh Trần từ đền ra miếu mở lễ hội.

Đền Thụ Khê là một công trình lớn, kiến trúc theo kiểu nội công ngoại quốc, gồm tòa bái đường, cung chữ đình và hai dãy dải vũ. Thời gian và chiến tranh đã làm cho ngôi đền không còn nguyên vẹn như xưa, nhưng hiện tại đền Thụ Khê vẫn còn những hiện vật quý như: Cỗ ngai và bài vị thờ đức thánh Trần Hưng Đạo trong tư thế thiết triều, ngai thờ bài vị cùng duệ hiệu tướng quân Phạm ngũ Lão (con rể đức thánh Trần Hưng Đạo) và một số hiện vật khác còn lại trong di tích mang niên đại nghệ thuật Nguyễn đầu thế kỉ XX.

\* Lễ hội truyền thống.

Ngày 9/1 có hội vật của tổng, tổ chức tại miếu vật thôn Mai Động.

Ngoài ra nhân địa phương trong xã tổ chức tại Miếu vật nhiều trò chơi mang tính thượng võ như: Chơi đu, chọi gà, đua thuyền...

Ngày 15/3 tại khu vực Thiểm Khê có lễ kỉ niệm 3 anh em họ Trương theo giúp 2 bà Trưng đánh giặc.

Ngày 8/4 có lễ tiễn thuyền tai tả 3 vương.

Ngày 20/8 âm lịch có lễ rước đức thánh Trần từ đền Thu Khê ra miếu ở bến sòi.

#### 2.2.7.2 Chùa Mai Động

Đến cụm di tích Liên Khê, người ta không thể bỏ qua ngôi chùa Mai Động một công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng (1288) chống đế quốc Nguyên Mông của dân tộc. Tương truyền chùa Mai Động được xây dựng trên mảnh đất đã từng là kho quân lương tiền phương của quân đội nhà Trần.

Chùa Mai Động không phải như bao ngôi chùa Việt Nam khác, mà chùa còn là một công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 trong cuộc chiến chống quân đế quốc Mông Nguyên lấy lòng của dân tộc. Đời truyền rằng chùa Mai Động được xây dựng trên mảnh đất đã từng là kho quân lương tiền phương của quân đội nhà Trần. Ngày nay chùa nằm giữa xóm thôn đông đúc, tất bật trong vòng quay của thời vụ mùa màng, Chùa Mai Động tên chữ là Lễ Sơn Tự, một công trình kiến trúc có quy mô vừa phải và vẫn giữ được dáng dấp của nghệ thuật dân tộc cổ truyền. Chùa nằm trên sườn của dãy núi yên ngựa thấp, khuôn viên chùa theo dốc độ thoải của sườn đồi khoảng 15 độ. Chùa quay hướng nam, trước chùa còn bảo lưu được 4 ngôi tháp mộ trong hơn hai chục tháp sư của chùa. Khuôn viên chùa là nơi hội tụ của nhiều loại cây ăn quả như mít, nhãn, vải. Kiến trúc của chùa có bố cục hình chữ đinh quen thuộc gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Kiến trúc chùa có bố cục hình chữ đinh quen thuộc, gồm 3 gian tiền đường và 3 gian hậu cung. Trong chùa có nhiều di vật quý hiếm: Đó là hệ thống tượng tháp, tòa tam bảo được bày trọn trong tòa hậu cung trên hệ thống bệ thờ xây bằng gạch chắc khỏe, cân đối. Chùa Mai Động còn lưu giữ một số bia đá, thạch thiên đài, những thư tịch cổ văn của thế kỷ XVII, XVIII. Thạch thiên đài trụ dựng ở sân chùa một cột đá hình chữ nhật vuông (cao 1,65m, rộng 22 cm). Đỉnh cột tạo dáng búp sen tròn trên một đầu vuông thắt đáy. Mặt trên cánh sen trang trí cánh sen rất đẹp, mỗi cạnh 3 cánh. Trụ đá hai đầu tạo đầu vuông. Đầu phía trên mặt trước, mặt sau chạm nổi rồng và phượng đối nhau, hai bên mặt chạm cánh sen cách điệu. Đầu vuông chân cột mặt trước chạm nổi hình thú vờn chân, mặt sau chạm 3 con cá chụm đầu vào nhau tạo thành bông hoa ba cánh và hai mặt bên chạm bông sen mãn khai. Diềm cột trụ chạy hàng hoa dây cúc, rồng phượng. Thân trụ khắc chìm chữ Hán trong ô tạo dáng cách sen cũ nhật.

Bên trong các toà nhà cũ kĩ rêu phong của chùa là một kho tàng nghệ thuật dân tộc đang chờ được phát huy và mong có dịp được toả sáng.

### *2.2.7.3 Chùa Thiểm Khê*

Đôi diện với bên kia đền Thụ Khê qua dãy núi chạy dài là một thung lũng hiểm yếu, nơi Hưng Đạo luyện quân sĩ, người xưa đã dựng chùa Thiểm Khê ghi dấu. Chùa Thiểm Khê có tên chữ là Hoa Linh Tự, được xem như đài tưởng niệm về chiến thắng Trúc Động. Chùa được dựng trên sườn cao của một thung lũng, lưng dựa vào núi Thiểm, bên phải có núi chùa Hang, bên trái là núi Mẫu Ba. Dưới con mắt phong thủy, chùa Thiểm Khê tọa lạc trên khu đất mang thể ý ngại, hai bên có tay long, tay hổ.

Về kiến trúc, chùa Thiểm Khê do bị giặc phá hoại hồi kháng chiến chống Pháp, nên hầu hết những công trình hiện tại tuổi đời còn rất non trẻ. Nhưng trong chùa còn bảo lưu nhiều pho tượng quý, có giá trị nghệ thuật cao, được xếp vào loại tượng gỗ cổ nhất còn lại ở nước ta như: bộ Tam Thế, bộ Di Đà Tam Tôn, Quan Âm Chuẩn Đề, hai pho Bồ Đề Đạt Ma, tượng Bồ Tát, Ngọc Hoàng và Nam Tào, Bắc Đẩu, Thích Ca sơ sinh và tượng Đức Ông, Thánh Tăng. Đáng chú ý nhất là chùa Thiểm Khê còn bảo tồn được pho tượng 'Quan Âm thiên phủ thiên nhỡn' niên đại thế kỷ XVI rất đẹp, là một trong những pho tượng gỗ có niên đại sớm nhất được tìm thấy ở nước ta.

## **2.3 Thực trạng các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng.**

### *2.3.1 Thực trạng di tích*

Hiện nay các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn bên lưu vực sông Bạch Đằng cơ bản đã đáp ứng các nhu cầu phục vụ cho khách du lịch. Việc trùng tu tôn tạo các di tích cũng được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Quảng Ninh quan tâm. Biểu hiện cụ thể: vào năm 2009 các di tích thờ Trần Hưng Đạo phía bên Hải Phòng đã được chú trọng, quan tâm, đầu tư, trùng tu tôn tạo và cấp giấy chứng nhận là di tích lịch sử quốc gia. Năm 2009, đền Trần Hưng Đạo được phép của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, công ty Xi măng Hải Phòng đã cho xây dựng đền Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng trong cụm di tích Tràng Kênh. Phía bên tỉnh Quảng Ninh các di tích thờ Trần Hưng Đạo nằm trong cụm di tích Bạch Đằng được quan tâm chú trọng vào việc trùng tu tôn tạo các di tích. Tiêu biểu như xây dựng Bảo tàng Bạch Đằng, trùng tu tôn tạo đền Trần Hưng Đạo, miếu Vua Bà, bãi cọc Yên Giang, bãi cọc Đồng Vạn Muối. Trong công tác trùng tu tôn tạo di tích mới đây, 2

điểm di tích khác thuộc cụm di tích Bạch Đằng là đình Điện Công và đình Trung Bản cũng đã và đang được tôn tạo. Sau một thời gian tạm dừng triển khai quy hoạch 1998, năm 2007 Ban Quản lý các di tích trọng điểm phối hợp với liên doanh 2 công ty: Công ty CP Tư vấn - Đầu tư xây dựng Hà Nội và Công ty ESPAD Nhật Bản, xây dựng quy hoạch bổ sung. Song vì nhiều lý do, 2 đơn vị tư vấn trên đã không tiếp tục triển khai hoàn thiện được dự án. Cuối năm 2009 vừa qua, cùng với quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị cụm di tích lịch sử chiến thắng Bạch Đằng của UBND tỉnh, Ban quản lý các di tích trọng điểm đã khẩn trương làm việc với Công ty cổ phần Mỹ thuật và Xây dựng Việt Nam. Tại buổi làm việc với UBND tỉnh vào ngày 22-6-2010, Công ty cổ phần Mỹ thuật và Xây dựng Việt Nam đã đưa ra những đánh giá khá chi tiết về hầu hết các nhiệm vụ, mục tiêu của đồ án. Trong đó nêu rõ hiện trạng di tích, định hướng phát triển không gian, các phân khu chức năng, danh mục các dự án đầu tư và dự kiến kế hoạch triển khai. Đại diện các sở, ban, ngành đều cho rằng đồ án đã bám sát nhiệm vụ quy hoạch, đưa ra những giải pháp ban đầu trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích... Tuy nhiên, để đồ án đạt được kết quả như đề cương nhiệm vụ đề ra, đơn vị tư vấn cũng như chủ đầu tư cần phối hợp xây dựng quy hoạch một cách tổng thể, mang tính dự báo tương đối sát cũng như hướng bảo tồn, tôn tạo một cách bền vững nhất. Nêu rõ các hạng mục đầu tư ưu tiên để phân bổ vốn cho hợp lý, xây dựng biểu tượng cho di tích. Đặc biệt trong chiến lược quảng bá, xây dựng hình ảnh cho di tích, chú ý áp dụng công nghệ hiện đại trong tái hiện di tích, nhất là trận thủy chiến năm xưa, nhằm mục đích mang đến những hình dung sinh động nhất cho du khách.

### ***2.3.2. Thực trạng hoạt động du lịch ở các di tích.***

Du khách đến thăm quan các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng, ngoài sự cảm nhận về giá trị kiến trúc lịch sử của đình đền, còn hiểu những giá trị tinh thần qua các lễ hội, các trò chơi dân gian gắn liền với các di tích. Hàng năm từ ngày 11 đến ngày 14 tháng 4 (mùng 6 đến mùng 9 tháng 3 âm lịch) tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo luôn diễn ra lễ hội kỷ niệm chiến thắng Bạch Đằng với quy mô ngày càng lớn. Đặc biệt lễ hội kỷ niệm trong năm 2013- năm du lịch quốc gia đồng bằng sông Hồng có quy mô lớn nhất từ trước đến nay. Lễ hội năm nay kỷ niệm 725 năm chiến thắng Bạch Đằng 1288- 2013 và 785 năm ngày sinh của thiên tài quân sự Quốc công tiết chế Hưng Đại Vương Trần Quốc Tuấn. Trung tâm của lễ hội là cụm di tích Bạch

Đặng. Năm 2013 lễ hội này đã có nhiều nét mới so với mọi năm như lễ rước tượng Trần Hưng Đạo đã được đẩy lên quy mô hơn, trong lễ hội khai mạc diễn ra trong đền Trần Hưng Đạo vào ngày 13 tháng 4 (tức ngày giỗ trận ngày 18 tháng 3 âm lịch) có tổ chức thêm chương trình diễn xướng chiến trận Bạch Đằng với các nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Yết Kiêu, Dã Tượng, Bà hàng nước và quân dân trại An Hưng xưa. Tất cả nhằm tái hiện không khí “Sát thát” vang dậy núi sông khiến kẻ thù khiếp sợ. Bên cạnh đó là các hoạt động văn hóa, thể thao như biểu diễn văn nghệ, triển lãm tranh, vật, kéo co, chơi đu, chọi gà, tổ tôm điếm. Hội thi bơi trải truyền thống Bạch Đằng cũng sẽ là một trong những nội dung trọng tâm của lễ hội. Với mục đích ôn lại chiến công của cha ông thuở xưa, các vận động viên tham gia bơi trải mặc trang phục truyền thống của tướng sĩ nhà Trần (thế kỷ XIII – XIV). Trên dòng sông lớn, cuộc đua tài của nhiều thuyền đua hình lá tre lao vun vút, tiếng hò reo của người dự hội trên bờ sông như làm sống dậy âm hưởng của trận chiến năm xưa. Lễ hội Bạch Đằng diễn ra trên vùng đất cổ với bao nhiêu chứng tích hào hùng, thu hút khoảng 5 vạn du khách tới xem, tham gia và cổ vũ.

Tại Hải Phòng cũng tổ chức lễ hội kỷ niệm ngày mất của Trần Hưng Đạo vào ngày mùng 10 tháng 8 âm lịch. Lễ hội cũng diễn ra vô cùng quy mô với sự tham gia của đông đảo khách du lịch. Vào đầu xuân, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tổ chức du thuyền trên sông Giá và sông Bạch Đằng đã thu hút nhiều khách du lịch thăm quan.

Trong tâm thức nghìn năm của người dân đất Việt, hai tiếng Bạch Đằng đã đi vào lịch sử và trở thành điểm hội tụ của sức sống dân tộc.

Trong những năm gần đây, số lượng khách du lịch đến thăm quan di tích có xu hướng tăng lên, Đây là một tín hiệu rất đáng mừng đối với sự phát triển du lịch của hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng. Các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng đã trở thành một điểm mới trong hệ thống tuyến điểm du lịch ở Hải Phòng và Quảng Ninh đã và đang được đưa vào khai thác. Mặc dù có nhiều tiềm năng như vậy nhưng hiện tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng chưa khai thác được nhiều giá trị hầu như chỉ dưới dạng nguyên sơ.

Có thể nói hoạt động khai thác du lịch ở đây theo định hướng phát triển bền vững và hạn chế đến mức tối đa việc tác động vào môi trường tự nhiên, cho nên các giá trị của các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng vẫn giữ được nguyên vẹn.

Tuy nhiên hoạt động du lịch tác động không nhỏ đến đời sống người dân bên lưu vực, tạo thêm nguồn thu nhập để cải thiện đời sống, song mặt trái của nó tác động đến đời sống của dân làng, đó là tình trạng giá cả đắt đỏ, nạn buôn bán cổ vật và các tệ nạn xã hội bắt đầu nảy sinh. Thực trạng đó đòi hỏi các cấp chính quyền và ngành du lịch bên lưu vực sông Bạch Đằng có định hướng đúng đắn với việc phát triển du lịch, tìm ra phương hướng để phát triển du lịch ổn định, bền vững và có biện pháp để ngăn chặn những tệ nạn xã hội để giữ gìn bản sắc văn hóa bên lưu vực sông Bạch Đằng.

#### *Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch:*

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh du lịch bao gồm: Cơ sở lưu trú, ăn uống, phương tiện vận chuyển, các phương tiện vui chơi giải trí, là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh du lịch. Do vậy phải đánh giá khả năng cung ứng sản phẩm du lịch trong khu vực lưu trú, nhà hàng, khách sạn để xem chất lượng sản phẩm du lịch đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng du lịch hay chưa.

Các phòng nghỉ hiện nay ở lưu vực sông Bạch Đằng phần lớn đã được trang bị tương đối đồng bộ, các cơ sở lưu trú đều có khả năng đáp ứng nhu cầu phục vụ ăn uống tại chỗ cho khách du lịch.

Về phương tiện vận chuyển kinh doanh hiện nay huyện đã đáp ứng được tương đối nhiều xe ô tô từ 4- 45 chỗ, hoạt động vận chuyển khách du lịch trong đó có nhiều xe chất lượng cao. Ngoài ra, trong huyện còn có gần chục chiếc tàu gỗ đủ tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch với sức chở 15- 25 người. Tuy nhiên hiện nay số lượng tàu này đang hoạt động ở Bãi Cháy và phục vụ khách tham quan.

Có thể nói, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch ở lưu vực sông Bạch Đằng là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch đầu tư, nhưng điều kiện này còn chưa đáp ứng được nhu cầu, hệ thống đường giao thông đến các điểm du lịch nhiều nơi còn rất khó khăn; cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn) nhà hàng phục vụ ăn uống nhỏ lẻ, mới chỉ đáp ứng nhu cầu thông thường.

#### *Công tác quản lý và tổ chức khai thác:*

Tại các di tích, người dân địa phương tự huy động kinh phí sửa chữa, tu bổ không làm đúng văn bản hướng dẫn, việc tu bổ còn mang tính tự phát, thiếu sự giám sát của cơ quan quản lý chuyên ngành. Chính sự tự phát đó dẫn đến làm phá vỡ nguyên gốc di tích. Hơn nữa việc tu bổ lại các di tích lịch sử văn hóa do một nhà sư chủ trì mời một

số cá nhân đứng ra tu tạo nên phần nhiều mang tính chủ quan và phá vỡ một số kiến trúc có giá trị do họ không hiểu hết được giá trị đích thực của chúng.

Việc khai thác các di tích lịch sử văn hóa vào hoạt động du lịch còn mang tính tự phát quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao nên gây nhiều lãng phí tài nguyên. Hơn nữa các doanh nghiệp của tỉnh chưa đưa các di tích lịch sử văn hóa đó vào chương trình tham quan. Trong khi đó việc khai thác các tiềm năng này thiếu một sự gắn kết chặt chẽ với các hoạt động khác của tỉnh.

*Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội của di tích:*

Di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng trải qua thời gian do sự tác động của môi trường thiên nhiên nên tình trạng xuống cấp của các di tích rất nghiêm trọng, tình trạng sụp nền, các bức tường ẩm mốc rêu phong. Mặt khác hoạt động du lịch vào mùa cao điểm diễn ra ồ ạt làm cho môi trường ngày càng bị suy thoái. Trong khu vực di tích vào dịp diễn ra lễ hội, lượng khách đến rất đông nên hiện tượng xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường, làm mất đi cảnh quan thoáng mát, trong lành làm cho môi trường ở khu vực di tích bị ảnh hưởng, điều này là nguyên nhân làm cho các di tích bị xuống cấp. Hơn nữa khi du khách đến tham quan còn có hiện tượng viết vẽ lên tường của một số di tích làm giảm giá trị thẩm mỹ của di tích.

Mặc dù chính quyền địa phương và người dân đã có những nhận thức hơn về hoạt động phát triển du lịch trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của địa phương. Nhưng thực tế cho thấy nhận thức này còn rất hạn chế và có nhiều bất cập, nhận thức của người dân trong vùng trọng điểm du lịch vì lợi ích trước mắt mà ý thức bảo vệ tài nguyên còn ít quan tâm, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch chưa tương xứng với giá trị vốn có của di tích.

Một hiện tượng khá phổ biến trong các lễ hội đó là hiện tượng người ăn xin, trẻ em lang thang gây ra nhiều cảnh tượng không đẹp mắt. Trong khu vực các di tích, đội ngũ bán hàng, chụp ảnh chèo lèo khách rất phổ biến gây cảm giác khó chịu cho du khách, làm cho du khách khi ra về không được ấn tượng về điểm du lịch.

## **Tiểu kết chương 2**

Các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng chứa đựng những giá trị lịch sử sâu sắc, phản ánh những thăng trầm của 1 giai đoạn lịch sử đồng thời cũng phản ánh tinh thần chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt. Các di tích còn chứa đựng những giá trị cộng đồng, thể hiện sự đoàn kết gắn bó sâu sắc của cư dân nơi đây để



chống trở với thiên nhiên khắc nghiệt. Quần thể di tích lễ hội còn chứa đựng những giá trị tâm linh sâu sắc, thể hiện đậm nét những ảnh hưởng của yếu tố dân gian trong đời sống con người.

Khu vực di tích chiến thắng Bạch Đằng 1288 có những điều kiện rất thuận lợi để phát triển cả về du lịch sinh thái và du lịch văn hóa nhân văn. Với vị trí địa lý đẹp, khí hậu trong lành hấp dẫn du khách từ mọi miền về tham quan di tích lịch sử này. Bên cạnh điều kiện tự nhiên đó thì đây là di tích có bề dày lịch sử gắn liền với truyền thống lịch sử chống giặc ngoại xâm với những chiến công lừng lẫy thời Trần ở thế kỷ XIII. Từ năm 938 đến 1288 trải qua ba lần cứu nước, lần nào cũng oanh liệt, cũng vĩ đại. Nhưng trong thực tế, ngày nay nói đến Bạch Đằng thường thì chiến công cuối, chiến công thứ 3 được nghĩ đến trước tiên. Với những giá trị to lớn đó đã góp phần quan trọng hình thành nên di tích Bạch Đằng khang trang bề thế và các phong tục tập quán, các lễ hội độc đáo thể hiện đậm nét bản sắc văn hóa dân tộc ta nói chung và vùng đất bên lưu vực sông Bạch Đằng nói riêng. Với những điều kiện và cơ hội mới giàu tiềm năng chắc chắn di tích lịch sử Bạch Đằng và du lịch bên lưu vực sông Bạch Đằng sẽ trở thành điểm du lịch hấp dẫn thu hút đông đảo du khách của mọi miền.

### **Chương 3. Các giải pháp phát triển phục vụ du lịch**

#### **3.1. Giải pháp nâng cao khả năng khai thác các di tích cá di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng phục vụ cho phát triển du lịch.**

##### **3.1.1. Giải pháp trùng tu tôn tạo.**

Các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn bên lưu vực sông Bạch Đằng là những di tích chứa đựng những giá trị lịch sử, tâm linh, cộng đồng sâu sắc cho nên việc trùng tu tôn tạo là rất quan trọng và cần thiết. Việc các di tích thờ Trần Hưng Đạo Trong cụm di tích Bạch Đằng phía bên huyện Yên Hưng tỉnh Quảng Ninh được công nhận là tích quốc gia đặc biệt thì việc trùng tu tôn tạo là rất cần thiết để lưu giữ giá trị tồn tại theo thời gian. Để tài nguyên du lịch có hiệu quả cao và lâu dài, bên cạnh việc khai thác các giá trị thì phải có sự bảo vệ, đầu tư, tôn tạo chúng. Đây là điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch bền vững.

Các di tích lịch sử văn hóa rơi vào tình trạng khai thác quá tải, ít được đầu tư tôn tạo hoặc đầu tư chưa đúng yêu cầu kỹ thuật nên dần bị xuống cấp và giảm dần giá trị theo thời gian. Để đảm bảo khai thác lâu dài thì phải có sự kết hợp hài hòa giữa khai thác và đầu tư tôn tạo nhằm giữ gìn những giá trị văn hóa lịch sử, không chỉ để phục vụ cho khai thác phát triển du lịch mà còn để lưu truyền giáo dục cho thế hệ mai sau.

Chính vì vậy, những nguồn lợi thu từ du lịch cần phải đóng góp 1 phần vào việc tôn tạo và tu bổ di tích gồm các khoản: thuê các chuyên gia, các giáo sư tư vấn giúp đỡ việc tu bổ tôn tạo di tích, thuê người trông coi bảo vệ di tích. Cần ưu tiên đầu tư, trùng tu tôn tạo những di tích bị hư hỏng nặng do điều kiện thời tiết thiên nhiên. Các thủ tục hành chính, các biện pháp nhanh đẩy nhanh tiến bộ giả phóng mặt bằng và giả ngân nguồn vốn cần được gấp rút hoàn thiện để sớm đưa các di tích này vào khai thác. Bảo tồn di tích theo quan điểm tổng thể: hồ nhập cảnh quan địa lý và cảnh quan văn hóa vùng thành 1 hệ thống hữu cơ. Quy hoạch di tích phải gắn liền với bảo vệ cảnh quan văn hóa truyền thống của 2 bên bờ sông Bạch Đằng. Kéo dài tuổi thọ của các di tích, đảm bảo tính bền vững của di tích trong thời gian, ưu tiên cho việc giữ gìn nguyên vẹn đầy đủ di tích gốc ưu tiên nghiên cứu phát hiện và bổ sung tư liệu di tích lịch sử. Hạn chế tối đa sự thay thế, nhất là thay thế bằng các nguyên vật liệu mới. Duy trì các truyền thống văn hóa, phát triển du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể: thuần phong mỹ tục, trang phục truyền thống trong lễ hội, văn hóa ẩm thực.. Đối với các di tích phải xây dựng nâng cấp tiền đường và hậu cung, mở rộng di tích, giữ

gìn hiện vật gốc, xây dựng bia ghi nhận. Thực hiện tuyên truyền cho nhân dân địa phương và khách du lịch có ý thức hơn trong việc bảo vệ di tích, không làm hư hại đến các hiện vật, không bán cổ vật.

- Đẩy nhanh quá trình hoàn thành thủ tục, giấy tờ xin cấp phép trùng tu tôn tạo các hạng mục tại các di tích đã và đang xuống cấp.
- Nhanh chóng tìm ra các biện pháp khắc phục những hiện tượng thiên nhiên, nhiệt đới ẩm gió mùa thời tiết khí hậu việt nam làm ảnh hưởng nhưng hiện vật cổ, những sắc phong của các triều đại phong kiến.
- Kêu gọi các vốn đầu tư của trong và ngoài nước vào việc trùng tu tôn tạo các di tích.
- Nâng cao ý thức của người dân, khách du lịch trong quá trình bảo vệ di tích, hiện vật di tích , cảnh quan di tích
- Thu các tiền vé tham quan, các tiền công đức vào việc trùng tu và bảo vệ di tích.

### ***3.1.2 Giải pháp nâng cao giá trị tâm linh.***

Cùng với sự phồn thịnh và giàu có của đời sống vật chất thì yếu tố tâm linh trong đời sống con người ngày càng nâng cao và linh thiêng hóa.

Các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng cũng coi coi trọng vấn đề tâm linh ấy, ở đây Trần Hưng Đạo không chỉ là 1 vị tướng có công mà còn là 1 vị thành hoàng , 1 vị thánh thể mà trong dân gian mới có câu “ tháng tám giỗ cha, tháng ba giỗ mẹ”. Tại các di tích bên lưu vực sông Bạch Đằng hàng năm thường tổ chức lễ hội để nâng cao giá trị tâm linh đó, được nhân dân địa phương nơi đây lưu giữ qua nhiều thế hệ như 1 minh chứng cho sức sống mãnh liệt của đức thánh Trần. Nó thể hiện việc giáo dục cộng đồng của các thế hệ cư dân vùng lưu vực sông Bạch Đằng vô cùng sâu sắc, người dân nơi đây từ thưở lọt lòng cho đến khi qua đời mang ý thức thành kính với đức thánh Trần.

Các di tích lễ hội là sản phẩm lịch sử được trao truyền qua nhiều thế hệ phản ánh một cách sinh động trận thắng hào hùng chống quân Nguyên Mông trên sông Bạch Đằng. Thời gian qua đi cuộc sống con người thay đổi, nhưng các di tích lễ hội vẫn giữ nguyên giá trị tâm linh, giá trị văn hóa của nó. Chính vì thế, đây là yếu tố góp phần quan trọng trong việc bảo tồn nguyên vẹn những giá trị văn hóa của cha ông. Giá trị

của các di tích lễ hội được coi là lí tưởng cuộc sống mà các thế hệ phải noi theo và hướng tới, những giá trị được gạn đục, khơi trong để trở thành phong tục truyền thống, thể hiện bản sắc văn hóa của cộng đồng. Đây là chiếc cầu nối có thể giao lưu văn hóa giữa các vùng miền dân tộc trong cả nước.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động làm tưởng nhớ đến Trần Hưng Đạo, để du khách nhân dân biết đến, nâng cao giá trị tâm linh tại các di tích.

- Đưa vào trong sách, tư liệu lịch sử, tài liệu hướng dẫn du lịch làm tiền đề cho sự truyền bá giá trị tâm linh.

- Giáo giục nhân dân địa phương, các thế hệ về tinh thần chống giặc ngoại xâm của cha ông từ đó để biết đến giá trị tâm linh tinh thần là vô cùng quan trọng.

### ***3.1.3 Giải pháp về tuyên truyền quảng bá cho du lịch.***

Hoạt động tuyên truyền quảng bá giữ một vai trò quan trọng trong kinh doanh du lịch. Tuy nhiên hoạt động này ở hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng chưa thực sự đề cao, chưa đem lại hiệu quả cao cho du lịch. Các di tích thờ Trần Hưng Đạo chỉ mới được giới thiệu sơ sài, chưa cuốn hút được khách du lịch. Hoạt động quảng bá thông qua báo chí và sách hướng dẫn du lịch cũng chưa thực sự đem lại hiệu quả cao bởi vì thông tin hết sức ngắn gọn, chưa thể hấp dẫn được du khách, Để hoạt động này đạt hiệu quả cao các ngành các cấp hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng cần tiến hành quảng bá rộng rãi trên các phương tiện đại chúng như ti vi, internet. Cung cấp cho du khách thông tin sâu sắc toàn diện về các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng.

Hoạt động tuyên truyền quảng bá trên báo chí cũng đem lại hiệu quả rất cao với những bài viết giới thiệu về di tích lễ hội thờ Trần Hưng Đạo giàu văn hóa trong lòng người đọc và thôi thúc sự tìm hiểu khám phá văn hóa. Bên cạnh đó cũng cần xây dựng những chiến lược quảng cáo với những khẩu hiệu lô gô độc đáo ấn tượng gây sự chú ý của khách du lịch. Tiến hành xây dựng và phát hành rộng rãi về phim ảnh các công trình kiến trúc, lịch sử liên quan đến Trần Hưng Đạo, để đưa ra giới thiệu với các nhà đầu tư. Biện pháp quảng bá rộng rãi dưới nhiều hình thức sẽ góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển du lịch ở 2 bên bờ sông Bạch Đằng.

### ***3.1.4 Giải pháp liên kết phát triển du lịch giữa hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng.***

Hai huyện Thủy Nguyên của Hải Phòng và Yên Hưng của Quảng Ninh cần hợp tác liên kết trong việc bảo tồn và giữ nguyên vẹn những giá trị lịch sử, tâm linh, cộng

đồng , linh thiêng tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo. Cùng nhau phát triển du lịch, nâng cao đời sống kinh tế, tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính liên kết giữa 2 vùng. Có 1 số lịch trình liên kết giữa 2 vùng tham khảo như:

### **Lịch trình Thủy Nguyên – Yên Hưng 1 ngày**

Sáng: 6h: đón khách tại tượng đài Lê Chân.

7h: đưa khách đến tham quan danh thắng tràng kênh và đền Trần Hưng Đạo.

9h: đưa khách đến thăm cụm di tích Liên Khê.

11h: đưa khách đến nhà hàng thưởng thức đặc sản dê núi và cá sông Bạch Đằng.

12h: đưa khách về resort sông giá nghỉ ngơi

Chiều: 14h: đến thăm cụm di tích Bạch Đằng:

- đền Trần Hưng Đạo
- Đình Yên Giang
- Bãi cọc Bạch Đằng.

17h: khách lên xe về trung tâm thành phố Hải Phòng.

### **Lịch trình du thuyền trên sông Bạch Đằng:**

Sáng:

7h: khách có mặt tại phà Bính để lên thuyền bắt đầu chuyến hành trình.

9h: khách đến thăm danh thắng Tràng Kênh.

11h : ăn trưa trên thuyền.

Chiều:

14h: thăm đền Trần Hưng Đạo

15h: thăm đình Yên Giang và bãi cọc Bạch Đằng.

16h30: có mặt trên thuyền nghe hát Đúm

17h30: trả khách tại bến Bính

### **3.1.5. Giải pháp về đào tạo những người phục vụ du lịch tại chỗ.**

Hiện nay tại các di tích thờ Trần Hưng Đạo hầu như chưa có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp phục vụ cho du lịch, nhân viên ở đây đa số là người địa phương, chất lượng của đội ngũ nhân viên này cũng chưa cao. Tại các di tích phần lớn người trông coi bảo vệ di tích là người kiêm cả việc giới thiệu hướng dẫn cho du khách tham quan di tích đó.

Để khắc phục tình trạng trên, các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn của hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng cần tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân viên chuyên

nghiệp, đảm bảo chất lượng phục vụ tốt cho du khách, tránh tình trạng một nhân viên phải đảm nhiệm nhiều công việc. Cần duy trì một đội ngũ nhân viên chính thức, làm việc ổn định quanh năm, để có điều kiện bồi dưỡng nâng cao trình độ cho họ. Thường xuyên mở các lớp đào tạo, tập huấn mời các chuyên gia đến giảng dạy để nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Thực hiện chế độ ưu đãi khen thưởng đối với những nhân viên và cán bộ nhiệt tình, hoàn thành tốt công việc.

Tại các di tích nên bố trí nhân viên quản lý và hướng dẫn viên tại điểm để giới thiệu với du khách và hướng dẫn du khách tham quan.

Phối hợp thường xuyên với tổng cục du lịch, và các cơ sở đào tạo nhân lực phục vụ du lịch trong và ngoài nước hàng năm tổ chức các lớp học tập, trao đổi kinh nghiệm và nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ.

Nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn cho đội ngũ quản lý du lịch, đồng thời trang bị nghiệp vụ chuyên ngành và trình độ ngoại ngữ cho cán bộ hoạt động kinh doanh phục vụ khách du lịch, tăng cường đào tạo nghiệp vụ du lịch, vệ sinh môi trường du lịch, bảo vệ tài nguyên môi trường và phong cách phục vụ cho cộng đồng dân cư nơi có thể phát triển du lịch.

Ngày nay khi mà đời sống của người dân ngày một được nâng cao, thì nhu cầu đi du lịch của họ ngày càng tăng, theo đó các yêu cầu đòi hỏi về chất lượng phục vụ cũng tăng theo. Một trong những đặc trưng của sản phẩm du lịch là chất lượng sản phẩm phụ thuộc nhiều vào chất lượng phục vụ (gồm chất lượng cơ sở vật chất, chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ...). Từ việc phân tích thực trạng về chất lượng lao động du lịch trên địa bàn hai bên lưu vực sông Bạch Đằng, trong thời gian tới cần đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho nguồn nhân lực du lịch trên các lĩnh vực sau:

*Thứ nhất, Đào tạo về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ.*

Từ nay đến năm 2015 phải có ít nhất 50% số lao động phục vụ trực tiếp được đào tạo về chuyên ngành du lịch, khách sạn có trình độ từ trung cấp trở lên. Giảm dần việc sử dụng lao động phổ thông không qua đào tạo. Đến 2015 phải đào tạo được ít nhất 90% số lao động trực tiếp có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thành thạo, trong số đó phải có ít nhất 15% (đến năm 2010) và 50% (đến năm 2015) số lao động trực tiếp sử dụng ít nhất một ngoại ngữ và máy tính văn phòng.

Số lao động quản lý trong các cơ sở kinh doanh cần được đào tạo chuyên sâu về du lịch và khách sạn, đào tạo nâng cao sự hiểu biết về các chính sách phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh du lịch và khách sạn.

Đối với lao động quản lý nhà nước về du lịch cần phải được đào tạo, bồi dưỡng trên các lĩnh vực như: đào tạo ngoại ngữ (chú trọng đến tiếng Anh và tiếng Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản. Và phần đầu từ nay đến năm 2015 số cán bộ quản lý nhà nước về du lịch có thể sử dụng tiếng Anh chiếm 85%. Quản lý bảo vệ môi trường du lịch và phát triển bền vững ... trên cơ sở đó mới có khả năng thực hiện tốt được công tác quản lý.

*Thứ hai, Đào tạo về khả năng giao tiếp trình độ hiểu biết về xã hội.*

Một đặc điểm khác của du lịch là quá trình thực hiện sản phẩm và tiêu dùng sản phẩm thường diễn ra đồng thời, do vậy đối với nhân viên phục vụ trực tiếp với khách du lịch, đòi hỏi họ phải có khả năng giao tiếp tốt, kiến thức xã hội sâu rộng. Chính vì vậy trong thời gian tới trong công tác đào tạo không thể thiếu lĩnh vực này.

### **3.1.6. Đa dạng hóa nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.**

Nâng cao và phát triển loại hình du lịch văn hóa, là loại hình du lịch đưa vào các giá trị văn hóa cộng đồng nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa thành thế mạnh của hai bên bờ lưu vực sông Bạch Đằng

Tổ chức các ngày lễ hội truyền thống trên địa bàn, phục hồi lễ hội mang đậm nét dân gian có ý nghĩa thiết thực trong đời sống văn hóa như lễ hội Tiên Công, lễ hội Bạch Đằng, lễ hội Xuống Đòng, tạo điều kiện phục hồi và phát triển một số loại hình văn hóa, thể thao dân gian của địa phương để phục vụ lễ hội và thu hút khách tham quan vào các loại hình nghệ thuật: Hát đúm, bơi chải, chọi gà, vật, phát triển một số loại hình dịch vụ để nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

Cần tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu, các chuyên gia khảo sát và đánh giá đúng tiềm năng về ẩm thực, mức độ thu hút khách từ mọi miền.

Tổ chức lễ hội phải kết hợp với các cuộc thi, các trò chơi dân gian. Ngoài ra ở các di tích bên lưu vực sông Bạch Đằng có thể tổ chức thêm các lễ hội hiện đại, ví dụ như lễ hội ẩm thực vì ở đây có rất nhiều hải sản và các loại đặc sản quý, các món ăn của cả dân làng biển cũng có nhiều nét riêng khác với các vùng khác. Vì vậy cần nâng cao chất lượng ẩm thực ở đây để trở thành sản phẩm văn hóa độc đáo và hấp dẫn du khách.

Cần phải vận dụng các chính sách trong sản phẩm marketing để tạo ra các sản phẩm mang tính đặc thù để thu hút khách du lịch các chính sách đó là chính sách đa dạng hóa sản phẩm của địa phương.

### **Tiểu kết chương 3**

Qua các giải pháp phát triển du lịch địa phương sẽ góp phần giữ gìn và phát triển các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng đồng thời giúp phát triển du lịch địa phương và nâng cao đời sống kinh tế nhân dân. Ngoài ra còn nâng cao đội ngũ hướng dẫn viên và đa dạng hóa sản phẩm du lịch nhằm quảng bá các di tích thờ Trần Hưng Đạo ở lưu vực sông Bạch Đằng trên cả nước.



## KẾT LUẬN

Qua lần tìm hiểu về đề tài khoa học : “Khai thác các di tích thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn bên lưu vực sông Bạch Đằng phục vụ cho du lịch” cho ta hiểu sâu hơn về lịch sử dân tộc, những chiến thắng lẫy lừng chấn động năm châu. Biết thêm về 1 anh hùng dân tộc, có tài có đức được nhân dân phong là Đức Thánh Trần , đó là Trần Hưng Đạo. Những di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng vừa mang ý nghĩa tâm linh, vừa thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của nhân dân Việt Nam, ghi nhớ công lao, tài đức của vị Anh hùng dân tộc. Thông qua các di tích thờ Trần Hưng Đạo bên lưu vực sông Bạch Đằng ta không chỉ thấy những giá trị lịch sử văn hóa, tâm linh mà ta còn thấy những giá trị độc đáo về kiến trúc, điêu khắc trạm trổ của những công trình, vì kèo... Còn lưu giữ được những chứng tích về trận chiến oai hùng trên sông Bạch Đằng , các sắc phong của các triều đại phong kiến Việt Nam cho các di tích, các đồ vật cổ mang tính nghệ thuật độc đáo cao. Bên cạnh việc tìm hiểu về các giá trị của di tích, ta còn tìm hiểu về hiện trạng và khả năng phục vụ cho du lịch của các di tích. Từ đó ta đưa ra các biện pháp phát triển du lịch, nâng cao đời sống nhân dân địa phương, các phương án bảo tồn các di tích, bảo tồn các nét đẹp văn hóa, giá trị lịch sử, tâm linh về anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo. Đồng thời ta đưa ra các phương án phát triển mang tính bền vững, quảng bá với du khách trong và ngoài nước về các giá trị của di tích, về nhân vật anh hùng có thật trong lịch sử dân tộc Trần Hưng Đạo và chiến thắng Bạch Đằng đánh tan quan Nguyên – Mông trên sông Bạch Đằng lẫy lừng năm châu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Như Hoa. 2001. “*Tín ngưỡng dân gian Việt Nam*”. Hà Nội. NXB Văn hóa Thông tin.
2. Trần Trọng Kim. 1968. “*Việt Nam sử lược*”. NXB Tân Việt.
3. Ngô Sĩ Liên. 1993. “*Đại Việt sử kí toàn thư*”. Hà Nội. NXB Khoa học xã hội.
4. Phan Kế Bính và Lưu Văn Phúc. 2008. “*Kể chuyện lịch sử Việt Nam Hưng Đạo Đại vương*”
5. Ngô Đức Thịnh. 2012. “*Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*”. Hà Nội. NXB Trẻ.
6. Nguyễn Khắc Thuần. 2006. “*Danh tướng Việt Nam*”. NXB Giáo dục.
7. Trần Diễm Thúy. 2009. “*Cơ sở văn hóa Việt Nam*”. TP Hồ Chí Minh. NXB Thông tin.
8. Trần Quốc Vượng 1999. “*Cơ sở văn hóa Việt Nam*”. Hà Nội. NXB Giáo dục.
9. Lý Tế Xuyên. 1994. “*Việt Điện U Linh*”. Hà Nội. NXB Thế Giới.
10. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. 2009. “*Đại Nam nhất thống chí*”. Hà Nội. NXB Lao Động.

## Phụ Lục:

Hình ảnh đền Trần Hưng Đạo:











